SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

**TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG**

**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ**

**DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Họ và tên** | **Chức danh, chức vụ** | **Nhiệm vụ** | **Chữ ký** |
| 1 |  | Hiệu trưởng | Chủ tịch |  |
| 2 |  | Phó Hiệu trưởng | Phó Chủ tịch |  |
| 3 |  | Phó Hiệu trưởng | Phó Chủ tịch |  |
| 4 |  | Phó Hiệu trưởng | Phó Chủ tịch |  |
| 5 |  | Thư ký hội đồng | Trưởng nhóm thư ký |  |
| 6 |  | Chủ tịch Công đoàn | Ủy viên |  |
| 7 |  | Bí thư Chi đoàn giáo viên | Ủy viên |  |
| 8 |  | Trợ lý thanh niên | Ủy viên |  |
| 9 |  | Tổ trưởng | Ủy viên |  |
| 10 |  | Nhân viên | Ủy viên |  |
| 11 |  | Nhân viên | Ủy viên |  |
| 12 |  | Nhân viên | Ủy viên |  |
| 13 |  | Nhân viên | Ủy viên |  |
| 14 |  | Giáo viên | Ủy viên |  |
| 15 |  | Giáo viên | Ủy viên |  |
| 16 |  | Tổ trưởng | Ủy viên |  |
| 17 |  | Giáo viên | Ủy viên |  |
| 18 |  | Nhân viên | Ủy viên |  |
| 19 |  | Giáo viên | Ủy viên |  |
| 20 |  | Tổng giám thị | Ủy viên |  |
| 21 |  | Giáo viên | Ủy viên |  |
| 22 |  | Giáo viên | Ủy viên |  |

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH – NĂM 2020

**MỤC LỤC**

|  |  |
| --- | --- |
| NỘI DUNG | Trang |
| Mục lục | 3 |
| Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá | 6 |
| Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU | 8 |
| Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ | 14 |
| A. ĐẶT VẤN ĐỀ | 14 |
| B. TỰ ĐÁNH GIÁ | 17 |
| Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường | 17 |
| Mở đầu | 17 |
| Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường | 18 |
| Tiêu chí 1.2:Hội đồng trường và các hội đồng khác | 20 |
| Tiêu chí 1.3*:*Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường. | 22 |
| Tiêu chí 1.4:Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng | 25 |
| Tiêu chí 1.5: Lớp học | 28 |
| Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản. | 30 |
| Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên. | 32 |
| Tiêu chí 1.8. Quản lý các hoạt động giáo dục | 34 |
| Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở | 36 |
| Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học | 38 |
| *Kết luận về Tiêu chuẩn 1* | 41 |
| Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên | 43 |
| Mở đầu | 43 |
| Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng | 43 |
| Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên. | 45 |
| Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên | 48 |
| Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh | 49 |
| *Kết luận về Tiêu chuẩn 2* | 51 |
| Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học | 52 |
| Mở đầu | 52 |
| Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, khu sân chơi, bãi tập | 52 |
| Tiêu chí 3.2: Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập | 54 |
| Tiêu chí 3.3: Khối phòng hành chính - quản trị | 56 |
| Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước | 58 |
| Tiêu chí 3.5: Thiết bị | 59 |
| Tiêu chí 3.6: Thư viện | 62 |
| *Kết luận về Tiêu chuẩn 3* | 63 |
| Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội | 64 |
| Mở đầu | 64 |
| Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh | 64 |
| Tiêu chí 4.2. Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường | 67 |
| *Kết luận về Tiêu chuẩn 4* | 69 |
| Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục | 70 |
| Mở đầu | 70 |
| Tiêu chí 5.1: Thực hiện chương trình giáo dục phổ thông. | 70 |
| Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện. | 72 |
| Tiêu chí 5.3: Thực hiện nội dung giáo dục địa phương theo quy định | 75 |
| Tiêu chí 5.4: Các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp | 76 |
| Tiêu chí 5.5: Hình thành, phát triển các kĩ năng sống cho học sinh | 78 |
| Tiêu chí 5.6: Kết quả giáo dục | 80 |
| *Kết luận về Tiêu chuẩn 5* | 85 |
| Phần III. KẾT LUẬN CHUNG | 87 |
| Phần IV. PHỤ LỤC |  |

**TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ**

**1. Kết quả đánh giá**

*(Đánh dấu (×) vào ô kết quả tương ứng Đạt hoặc Không đạt)*

**1.1. Đánh giá tiêu chí Mức 1, 2 và 3**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chuẩn,**  **tiêu chí** | **Kết quả** | | | |
| **Không đạt** | **Đạt** | | |
| **Mức 1** | **Mức 2** | **Mức 3** |
| **Tiêu chuẩn 1** |  |  |  |  |
| Tiêu chí 1.1 |  | x | x |  |
| Tiêu chí 1.2 |  | x |  |  |
| Tiêu chí 1.3 |  | x | x | x |
| Tiêu chí 1.4 |  | x | x |  |
| Tiêu chí 1.5 |  | x |  |  |
| Tiêu chí 1.6 |  | x | x |  |
| Tiêu chí 1.7 |  | x | x |  |
| Tiêu chí 1.8 |  | x | x |  |
| Tiêu chí 1.9 |  | x | x |  |
| Tiêu chí 1.10 |  | x | x |  |
| **Tiêu chuẩn 2** |  |  |  |  |
| Tiêu chí 2.1 |  | x | x |  |
| Tiêu chí 2.2 |  | x | x |  |
| Tiêu chí 2.3 |  | x |  |  |
| Tiêu chí 2.4 |  | x | x | x |
| **Tiêu chuẩn 3** |  |  |  |  |
| Tiêu chí 3.1 |  | x | x |  |
| Tiêu chí 3.2 |  | x | x |  |
| Tiêu chí 3.3 |  | x | x |  |
| Tiêu chí 3.4 |  | x | x |  |
| Tiêu chí 3.5 |  | x | x |  |
| Tiêu chí 3.6 |  | x | x |  |
| **Tiêu chuẩn 4** |  |  |  |  |
| Tiêu chí 4.1 |  | x | x |  |
| Tiêu chí 4.2 |  | x |  |  |
| **Tiêu chuẩn 5** |  |  |  |  |
| Tiêu chí 5.1 |  | x | x |  |
| Tiêu chí 5.2 |  | x |  |  |
| Tiêu chí 5.3 |  | x |  |  |
| Tiêu chí 5.4 |  | x | x |  |
| Tiêu chí 5.5 |  | x | x |  |
| Tiêu chí 5.6 |  | x | x |  |

**Kết quả**: Đạt Mức 1

**2. Kết luận: Trường đạt Mức 1 kiểm định chất lượng giáo dục.**

**Phần I**

**CƠ SỞ DỮ LIỆU**

Tên trường (theo quyết định mới nhất): Trường trung học phổ thông

Tên trước đây (nếu có): Trường trung học phổ thông

Cơ quan chủ quản: Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hồ Chí Minh.

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương | Thành phố Hồ Chí Minh |  | Họ và tên  hiệu trưởng |  |
| Huyện/quận /thị xã / thành phố |  |  | Điện thoại |  |
| Xã / phường/thị trấn |  |  | Fax |  |
| Đạt chuẩn quốc gia | Không |  | Website | http://thpt.  hcm.edu.vn/ |
| Năm thành lập trường (theo quyết định thành lập) |  |  | Số điểm trường | 1 |
| Công lập | X |  | Loại hình khác | Không |
| Tư thục | Không |  | Thuộc vùng khó khăn | Không |
| Trường chuyên biệt | Không |  | Thuộc vùng đặc biệt khó khăn | Không |
| Trường liên kết với nước ngoài | Không |  |  |  |

**1. Số lớp học**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số lớp học** | **Năm học 2014-2015** | **Năm học 2015-2016** | **Năm học 2016-2017** | **Năm học 2017-2018** | **Năm học 2018-2019** |
| Khối lớp 6 | 9 | 8 | 9 | 9 | 9 |
| Khối lớp 7 | 10 | 9 | 8 | 9 | 9 |
| Khối lớp 8 | 11 | 10 | 9 | 8 | 9 |
| Khối lớp 9 | 12 | 10 | 9 | 8 | 8 |
| Khối lớp 10 | 8 | 8 | 8 | 8 | 8 |
| Khối lớp 11 | 7 | 8 | 8 | 8 | 8 |
| Khối lớp 12 | 8 | 8 | 8 | 8 | 8 |
| **Cộng** | 65 | 61 | 59 | 58 | 59 |

**2. Cơ cấu khối công trình của nhà trường**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Số liệu** | **Năm học 2014-2015** | **Năm học 2015-2016** | **Năm học 2016-2017** | **Năm học 2017-2018** | **Năm học 2018-2019** | **Ghi chú** |
| **I** | Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập |  |  |  |  |  |  |
| 1 | Phòng học | 55 | 55 | 55 | 55 | 55 |  |
| a | Phòng kiên cố | 55 | 55 | 55 | 55 | 55 |  |
| b | Phòng bán kiên cố | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| c | Phòng tạm | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| 2 | Phòng học bộ môn | 15 | 15 | 15 | 15 | 15 |  |
| a | Phòng kiên cố | 15 | 15 | 15 | 15 | 15 |  |
| b | Phòng bán kiên cố | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| c | Phòng tạm | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| 3 | Khối phục vụ học tập | 8 | 8 | 8 | 8 | 8 |  |
| a | Phòng kiên cố | 8 | 8 | 8 | 8 | 8 |  |
| b | Phòng bán kiên cố | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| c | Phòng tạm | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| **II** | Khối phòng hành chính - quản trị | **9** | **9** | **9** | **9** | **9** |  |
| 1 | Phòng kiên cố | 8 | 8 | 8 | 8 | 8 |  |
| 2 | Phòng bán kiên cố | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 |  |
| 3 | Phòng tạm | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| **III** | Thư viện | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 |  |
|  | **Cộng** | **88** | **88** | **88** | **88** | **88** |  |

**3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên**

a) Số liệu tại thời điểm tự đánh giá (tháng 02 năm 2020)

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Tổng số** | **Nữ** | **Dân tộc** | **Trình độ đào tạo** | | | **Ghi chú** |
| Chưa đạt chuẩn | Đạt chuẩn | Trên chuẩn |
| Hiệu trưởng | 1 | 1 | 0 | 0 | 0 | 1 |  |
| Phó hiệu trưởng | 3 | 2 | 0 | 0 | 1 | 2 |  |
| Giáo viên | 119 | 73 | 3 | 0 | 82 | 37 |  |
| Nhân viên | 54 | 34 | 0 | 0 | 54 | 0 |  |
| **Cộng** | 177 | 110 | 3 | 0 | 137 | 40 |  |

b) Số liệu của 05 năm gần đây

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Số liệu** | **Năm học 2014-2015** | **Năm học 2015-2016** | **Năm học 2016-2017** | **Năm học 2017-2018** | **Năm học 2018-2019** |
| 1 | Tổng số giáo viên | 145 | 142 | 137 | 138 | 124 |
| 2 | Tỉ lệ giáo viên/lớp | 2.2 | 2,3 | 2,3 | 2,4 | 2,1 |
| 3 | Tỉ lệ giáo viên/học sinh | 0,051 | 0,055 | 0,056 | 0,058 | 0,053 |
| 4 | Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp huyện hoặc tương đương trở lên | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 5 | Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh trở lên | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |

**4. Học sinh**

a) Số liệu chung

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Số liệu** | **Năm học 2014-2015** | **Năm học 2015-2016** | **Năm học 2016-2017** | **Năm học 2017-2018** | **Năm học 2018-2019** | **Ghi chú** |
| 1 | Tổng số học sinh | 2843 | 2568 | 2447 | 2382 | 2361 |  |
| *- Nữ* | 1468 | 1321 | 1256 | 1203 | 1188 |  |
| *- Dân tộc thiểu số* | 293 | 248 | 230 | 205 | 183 |  |
| *- Khối lớp 6* | 398 | 329 | 349 | 358 | 354 |  |
| *- Khối lớp 7* | 421 | 383 | 320 | 336 | 354 |  |
| *- Khối lớp 8* | 481 | 409 | 369 | 326 | 324 |  |
| *- Khối lớp 9* | 528 | 433 | 378 | 338 | 305 |  |
| *- Khối lớp 10* | 352 | 343 | 359 | 348 | 343 |  |
| *- Khối lớp 11* | 338 | 343 | 339 | 346 | 343 |  |
| *- Khối lớp 12* | 325 | 328 | 333 | 330 | 338 |  |
| 2 | Tổng số tuyển mới | 732 | 669 | 706 | 703 | 694 |  |
| 3 | Học 2 buổi/ngày | 2843 | 2568 | 2447 | 2382 | 2361 |  |
| 4 | Bán trú | 1889 | 1803 | 1667 | 1623 | 1608 |  |
| 5 | Nội trú | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| 6 | Bình quân số học sinh/lớp học | 43,7 | 42,1 | 41,5 | 41,1 | 40 |  |
| 7 | Số lượng và tỉ lệ % đi học đúng độ tuổi | 2773  (96,1%) | 2496 (97,2%) | 2391 (97,7%) | 2325 (97,6%) | 2282 (96,7%) |  |
| *- Nữ* | 1428  (97,3%) | 1305 (98,8%) | 1232 (98,1%) | 1181 (98,2%) | 1162 (97,8%) |  |
| *- Dân tộc thiểu số* | 273  (93,2%) | 237 (95,6%) | 217 (94,3%) | 199 (97,1%) | 177 (96,7%) |  |
| 8 | Tổng số học sinh giỏi cấp huyện/tỉnh | 120 | 102 | 124 | 117 | 155 |  |
| 9 | Tổng số học sinh giỏi quốc gia | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| 10 | Tổng số học sinh thuộc đối tượng chính sách | 158 | 105 | 143 | 95 | 57 |  |
| *- Nữ* | 84 | 56 | 50 | 48 | 33 |  |
| *- Dân tộc thiểu số* | 29 | 19 | 7 | 4 | 13 |  |
| 11 | Tổng số học sinh (trẻ em) có hoàn cảnh đặc biệt | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |

b) Kết quả giáo dục (đối với trường trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học)

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số liệu** | **Năm học 2014-2015** | **Năm học 2015-2016** | **Năm học 2016-2017** | **Năm học 2017-2018** | **Năm học 2018-2019** | **Ghi chú** |
| Tỉ lệ học sinh xếp loại học lực giỏi | 36,8% | 37,3% | 39,8% | 44,5% | 45,4% |  |
| Tỉ lệ học sinh xếp loại học lực khá | 38,5% | 42,0% | 42,8% | 40,6% | 39,8% |  |
| Tỉ lệ học sinh xếp loại học lực yếu, kém | 3,7% | 4,2% | 3,4% | 2,9% | 3,4% |  |
| Tỉ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm tốt | 77,6% | 79,0% | 83,4% | 87,5% | 86,8% |  |
| Tỉ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá | 15,6% | 13,7% | 10,9% | 8,9% | 8,3% |  |
| Tỉ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm trung bình | 5,6% | 5,5% | 4,7% | 2,9% | 3,4% |  |
| Tỉ lệ học sinh hoàn thành chương trình / tốt nghiệp THCS | 98,7% | 100% | 99,5% | 100% | 97,7% |  |
| Tỉ lệ học sinh hoàn thành chương trình / tốt nghiệp THPT | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% |  |

**Phần II**

**TỰ ĐÁNH GIÁ**

**A. ĐẶT VẤN ĐỀ**

Thực hiện thông tư 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22 thánh 8 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học; Hướng dẫn số 5932/BGDĐT-QLCL ngày 28/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên. Xác định tự đánh giá chất lượng giáo dục sẽ tạo bước chuyển biến lớn về chất lượng giáo dục của trường. Thông qua tự đánh giá chất lượng giáo dục theo các tiêu chuẩn, nhà trường đánh giá được hiện trạng, những điểm mạnh, điểm yếu, từ đó đề ra kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục. Qua đó, trường phấn đấu thực hiện các biện pháp cải tiến chất lượng để nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện.

**1. Tình hình chung của nhà trường**

Trường trung học phổ thông được thành lập vào tháng năm với tên gọi là Trường trung học phổ thông và sau đó chính thức đổi thành Trường trung học phổ thông Công lập hoạt động theo cơ chế tự chủ tài chính từ năm học 2006 – 2007 (theo Quyết định số 2337/QĐ-UBND ngày 24/5/2006 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh) trực thuộc Ủy ban nhân dân Quận . Từ năm học 2015 – 2016 nhà trường là đơn vị hành chính sự nghiệp trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh quản lý với chức năng giảng dạy và giáo dục học sinh bậc trung học phổ thông và trung học cơ sở theo Quyết định số 1786/QĐ-UBND ngày 17 tháng 4 năm 2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Về nhân sự: Tổng số cán bộ, giáo viên và nhân viên toàn trường gồm: 178 người. Trong đó: Lãnh đạo: 4; Giáo viên: 124; Nhân viên: 50.

Về học sinh: Năm học 2019 – 2020, trường có 60 lớp với tổng số 2386 học sinh (1182 nữ), trong đó: khối trung học cơ sở có 36 lớp với 1389 học sinh, khối trung học phổ thông có 24 lớp với 997 học sinh.

Về tổ chức đảng, đoàn thể: Đảng bộ của trường trực thuộc Đảng bộ Quận với 58 Đảng viên; Công đoàn với 176 công đoàn viên; 24 Chi đoàn với 749 đoàn viên và Liên đội với 1351 đội viên, được chia thành 36 Chi đội.

Về cơ sở vật chất: Tổng diện tích 6500m2. Trong đó bao gồm: 88 phòng, với 55 phòng học; 33 phòng chức năng và hành chính quản trị gồm: phòng Hiệu trưởng, phòng phó hiệu trưởng, phòng Truyền thống, phòng giáo viên, phòng Đoàn Đội, phòng kế toán, phòng học vụ, phòng bộ môn, phòng STEM, phòng Giáo vụ, phòng Thư viện thiết bị, phòng Y tế, phòng học Multi, phòng vi tính, phòng nghỉ giáo viên, phòng quản lý học sinh và khu nhà bếp. Mỗi phòng học được bố trí, sắp xếp khoa học. Bàn ghế trong các phòng học đủ, sắp xếp theo quy định. Số bàn ghế đúng quy cách đạt 100%.

Phương hướng chiến lược của nhà trường giai đoạn 2018 – 2023 là “Phấn đấu trở thành một Ngôi Trường Hạnh Phúc. Ở đó học sinh học tập bằng niềm đam mê, sống có niềm tin và lý tưởng, có khát khao được khẳng định mình, biết yêu thương và chia sẻ.” Cụ thể:

- Trường trung học phổ thông tiếp tục giữ vững và phát huy truyền thống tốt về nề nếp, kỷ cương và các thành tích đã đạt được trong những năm học trước, đồng thời không ngừng đẩy mạnh đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện.

- Khẳng định uy tín chất lượng giáo dục, mô hình giáo dục hiện đại, tiên tiến phù hợp với xu thế phát triển của đất nước và thời đại; xây dựng Trường trung học phổ thông trở thành Ngôi Trường Hạnh Phúc.

- Trang bị cho học sinh những kiến thức khoa học phổ thông vững vàng và các kĩ năng sống, khuyến khích sự sáng tạo, khả năng suy luận, năng lực tư duy, hoạt động tự chủ và độc lập của học sinh.

- Đào tạo những công dân tương lai được phát triển toàn diện về thể chất và trí lực, có lối sống lành mạnh, có trách nhiệm với bản thân, gia đình, xã hội và có khả năng hội nhập.

Từ khi thành lập cho đến nay, trường đã khẳng định được uy tín, chất lượng giáo dục. Đội ngũ cán bộ, giáo viên và nhân viên có phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống tốt, tâm huyết với nghề, hết lòng vì sự nghiệp giáo dục thế hệ trẻ, có năng lực chuyên môn vững vàng, nhiệt tình trong công việc, tinh thần trách nhiệm cao, năng động, sáng tạo, ham học hỏi, đoàn kết gắn bó, thống nhất.

**2. Mục đích tự đánh giá**

Mục đích tự đánh giá là tự xem xét, tự kiểm tra, xác định được hiện trạng, các điểm mạnh, điểm yếu của từng tiêu chí, xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng và các biện pháp thực hiện nhằm đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng giáo dục do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, không ngừng phấn đấu nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện. Thông báo công khai với các cơ quan quản lý nhà nước và xã hội về thực trạng chất lượng của nhà trường; để cơ quan quản lý nhà nước đánh giá và công nhận nhà trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục.

**3. Tóm tắt quá trình và những vấn đề nổi bật trong hoạt động tự đánh giá**

Hội đồng tự đánh giá Trường trung học phổ thông đã tiến hành công tác tự đánh giá từ ngày 21 tháng 10 năm 2019 và hoàn thành vào ngày 16 tháng 3 năm 2020, theo quy trình 07 bước quy định tại hướng dẫn số 5932/BGDĐT-QLCL ngày 28/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên; Công văn của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục, về việc xác định yêu cầu, gợi ý tìm minh chứng theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục trường trường trung học.

Trong suốt quá trình tiến hành công tác tự đánh giá, hội đồng tự đánh giá đã huy động toàn thể đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên cùng với sự tham gia của Ban đại diện cha mẹ học sinh. Để công tác tự đánh giá đạt hiệu quả, hội đồng tự đánh giá của trường đã xác định rõ nguồn nhân lực cần huy động. Công việc dự kiến, các thông tin minh chứng cần thu thập cho từng tiêu chí được xác định và phân công một cách cụ thể, khoa học. Dự thảo báo cáo tự đánh giá được công khai rộng rãi để lấy ý kiến đóng góp của tập thể, cá nhân trong và ngoài trường. Sau đó hội đồng tự đánh giá chỉnh sửa, thống nhất, hoàn thiện và công bố báo cáo trước tập thể nhà trường.

Về phạm vi tự đánh giá: Trường đã bao quát toàn bộ các hoạt động của nhà trường theo 28 tiêu chí được quy định tại Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

**B. TỰ ĐÁNH GIÁ**

**Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường**

**Mở đầu**

Trường trung học phổ thông được thành lập vào tháng năm với tên gọi là Trường trung học phổ thông và sau đó chính thức đổi thành Trường trung học phổ thông Công lập hoạt động theo cơ chế tự chủ tài chính từ năm học 2006 – 2007 (theo Quyết định số 2337/QĐ-UBND ngày 24/5/2006 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh) trực thuộc Ủy ban Nhân dân Quận . Từ năm học 2015 – 2016 trường là đơn vị hành chính sự nghiệp trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh quản lý với chức năng giảng dạy và giáo dục học sinh bậc trung học phổ thông và trung học cơ sở theo Quyết định số 1786/QĐ-UBND ngày 17 tháng 4 năm 2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ Thông tư số 12/2011/TT-BGDDT Ngày 28/3/2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, Trường trung học phổ thông có đầy đủ cơ cấu tổ chức trong nhà trường bao gồm: Chi bộ Đảng, tổ chức Công Đoàn cơ sở, Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Chi đoàn giáo viên và các tổ chức, đoàn thể khác. Lãnh đạo trường gồm có Hiệu trưởng và 03 Hiệu phó. Bên cạnh đó, trường còn có Hội đồng trường, Hội đồng thi đua khen thưởng, Hội đồng kỷ luật, Hội đồng chấm sáng kiến kinh nghiệm, các tổ chuyên môn và tổ văn phòng. Trường có đủ giáo viên dạy các môn học theo quy định hiện hành. Các tổ chức, đoàn thể quản lý hoạt động về giáo dục, hành chính, tài chính, an ninh trường học đúng theo các quy định hiện hành. Trường xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và kiểm tra đánh giá đúng quy chế, đặc biệt là quy chế dân chủ cơ sở góp phần quan trọng trong thành tích chung của đơn vị.

Xây dựng chiến lược phát triển phù hợp với mục tiêu giáo dục và phù hợp với các nguồn nhân lực của nhà trường.

Trường có hai cấp học và có đủ các khối lớp từ lớp 6 đến lớp 12. Năm học 2019 – 2020 có 60 lớp, trong đó khối trung học cơ sở có 36 lớp và khối trung học phổ thông có 24 lớp.

**Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường**

Mức 1:

*a) Phù hợp mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật Giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường;*

*b) Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt;*

*c) Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có) hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của Phòng GDĐT, Sở GDĐT.*

Mức 2:

*Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển.*

Mức 3:

*Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục), cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh và cộng đồng.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Trường trung học phổ thông đã chủ động xây dựng phương hướng chiến lược và phát triển nhà trường giai đoạn 2013 – 2018 và giai đoạn 2018 – 2023 dựa theo mục tiêu của giáo dục phổ thông quy định tại Luật Giáo dục, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế – xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và với các nguồn lực của nhà trường. Sứ mệnh của trường là “Đào tạo nên những thế hệ công dân có nhân cách tốt, có đam mê và sống tự chủ”.Với tầm nhìn “Phấn đấu trở thành một Ngôi Trường Hạnh Phúc. Ở đó học sinh học tập bằng niềm đam mê, sống có niềm tin và lý tưởng, có khát khao được khẳng định mình, biết yêu thương và chia sẻ” [H1-1.1-01]; [H1-1.1-03].

b) Phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển của nhà trường đã được phê duyệt của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh ngày 27 tháng 3 năm 2014 [H1-1.1-01].

c) Phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển của nhà trường đã được công khai, thông tin rộng rãi với tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên bằng văn bản dán tại phòng Giáo viên và đăng tải trên trang thông tin điện tử của trường [H2-1.1-08].

Mức 2:

Trong các cuộc họp định kỳ của Hội đồng trường về việc đánh giá, rà soát và điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển của trường luôn được đề cập. Vào đầu mỗi năm học, Chủ tịch Hội đồng trường đã phân công cụ thể các thành viên giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển để đánh giá, điều chỉnh phù hợp [H4-1.1-04]; [H4-1.1-05].

Mức 3:

Chiến lược phát triển của nhà trường giai đoạn 2018 – 2023 đã triển khai thực hiện, định kỳ được đánh giá, rà soát, bổ sung và điều chỉnh. Tuy nhiên, việc tổ chức góp ý chiến lược phát triển nhà trường chưa có nhiều ý kiến sự tham gia của nhân viên, học sinh, cha mẹ học sinh và cộng đồng [H4-1.1-02].

**2. Điểm mạnh**

Trường đã chủ động xây dựng được chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2013 – 2018, giai đoạn 2018 – 2023 hướng đến sự phát triển toàn diện, đồng bộ nhà trường. Chiến lược phát triển nhà trường đã đề xuất lãnh đạo cấp trên phê duyệt.

**3. Điểm yếu**

Tổ chức góp ý chiến lược phát triển nhà trường chưa có nhiều ý kiến sự tham gia của nhân viên, học sinh, cha mẹ học sinh và cộng đồng.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Tháng 2 năm 2020, Hiệu trưởng tiếp tục chỉ đạo rà soát chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2018 – 2023, bổ sung những nội dung mới cho phù hợp tình hình hiện nay; chỉ đạo phổ biến chiến lược giai đoạn 2018 –2023 của nhà trường cho giáo viên, nhân viên, phụ huynh, học sinh và cấp chính quyền địa phương trên trang thông tin điện tử của trường nhằm lấy ý kiến đóng góp để điều chỉnh kịp thời.

**5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 1

**Tiêu chí 1.2:****Hội đồng trường và các hội đồng khác**

Mức 1:

*a) Được thành lập theo quy định;*

*b) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định;*

*c) Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá.*

Mức 2:

*Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Hội đồng Trường trung học phổ thông giai đoạn 2019 –2024 được thành lập theo Quyết định số 782/QĐ-GD ĐT-TC ngày 12 tháng 4 năm 2019 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh, gồm có 13 thành viên[H1-1.2-01].

Đầu mỗi năm học, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo ra quyết định thành lập hội đồng tuyển sinh 10, Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo Quận ra quyết định thành lập hội đồng tuyển sinh 6, Hiệu trưởng ra quyết định thành lập các hội đồng khác như hội đồng thi đua khen thưởng, hội đồng khoa học chấm sáng kiến kinh nghiệm, hội đồng nghiên cứu khoa học, hội đồng nâng lương, hội đồng chấm thi giáo viên và học sinh giỏi [H1-1.2-02]; [H5-1.2-03]; [H1-1.2-04]; [H1-1.2-05]; [H1-1.2-10]; [H1-1.2-06].

b) Mỗi năm học, Hội đồng trường họp định kỳ đúng quy định 03 lần vào đầu năm học, cuối học kỳ 1 và cuối năm học, ngoài ra còn có các cuộc họp đột xuất để bàn bạc, giải quyết những vấn đề cấp thiết và quan trọng của trường. Hội đồng trường đã đề ra Nghị quyết để triển khai phương hướng hoạt động theo mục tiêu chiến lược phát triển từng giai đoạn cũng như kế hoạch năm học [H4-1.1-04].

Hội đồng thi đua khen thưởng thực hiện việc đề nghị danh sách khen thưởng đối với cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh nhờ đó kích thích được giáo viên làm việc hiệu quả hơn, số lượng giáo viên, nhân viên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và số lượng học sinh giỏi trong các kỳ thi cấp quận, cấp thành phố ngày càng tăng; hội đồng khoa học có nhiệm vụ thực hiện chấm và xét duyệt sáng kiến kinh nghiệm theo quy định; các hội đồng khác cũng thực hiện nhiệm vụ theo chức năng của từng hội đồng nhằm tham vấn cho Hiệu trưởng trong các hoạt động ở từng lĩnh vực [H1-1.2-08].

c) Hoạt động của các hội đồng thực hiện nghiêm túc trong việc rà soát, đánh giá định kỳ và đột xuất theo kế hoạch như sau cuối mỗi học kỳ và cuối mỗi năm học [H4-1.2-09]; [H4-1.1-05].

Mức 2:

Hằng năm, Hội đồng trường và các hội đồng khác tư vấn, tham mưu hiệu quả cho Hiệu trưởng các nội dung về phương hướng, chiến lược phát triển, về tuyển sinh đầu cấp, về khen thưởng giáo viên, nhân viên, học sinh. Tuy nhiên, các hội đồng khác đôi khi thực hiện sinh hoạt chưa đúng theo kế hoạch về thời gian nên dẫn đến chậm tiến độ một số công việc [H4-1.2-09].

**2. Điểm mạnh**

Hội đồng trường và các hội đồng khác đã làm tốt công tác tư vấn, tham mưu cho Hiệu trưởng trong việc thực hiện các nhiệm vụ của nhà trường.

**3. Điểm yếu**

Các hội đồng khác thực hiện sinh hoạt chưa hợp lý về thời gian nên đôi khi dẫn đến chậm tiến độ một số công việc.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm học 2019 – 2020, Chủ tịch Hội đồng trường sẽ thực hiện họp theo đúng quy định điều lệ, đồng thời sẽ đẩy mạnh công tác rà soát, đánh giá các hoạt động của Hội đồng trường có hiệu quả để góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

Trong các buổi sinh hoạt định kỳ, Hội đồng trường và hội đồng khác trong nhà trường thực hiện đánh giá, thống nhất các nội dung công việc phù hợp theo từng giai đoạn, từng đối tượng.

**5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 1

**Tiêu chí 1.3***:* **Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường**

Mức 1:

*a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định;*

*b) Hoạt động theo quy định;*

*c) Hằng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá.*

Mức 2:

*a) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất một năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;*

*b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường.*

Mức 3:

*a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có ít nhất 02 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;*

*b) Các đoàn thể, tổ chức khác đóng góp hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường và cộng đồng.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Công đoàn cơ sở của trường trực thuộc Công đoàn Ngành Giáo dục Tthành phố Hồ Chí Minh, Ban Chấp hành Công đoàn gồm 05 thành viên và 16 tổ công đoàn với tổng số 176 công đoàn viên [H3-1.3-04].

Chi đoàn giáo viên của trường là Chi đoàn cơ sở trực thuộc Quận đoàn Quận , Ban Chấp hành Chi đoàn giáo viên nhiệm kỳ 2019 – 2022 có 09 thành viên, trong năm học 2019 – 2020 có 65 đoàn viên giáo viên [H9-1.3-05].

Đoàn trường của trường là đoàn cơ sở trực thuộc Quận đoàn Quận dưới sự quản lý của 01 trợ lý thanh niên và 01 phó trợ lý thanh niên, có 24 chi đoàn học sinh [H9-1.3-06].

Liên đội trực thuộc hội đồng Đội Quận , có 36 chi đội do 01 tổng phụ trách đội quản lý [H9-1.3-18].

b) Ban Chấp hành Công đoàn trường luôn quan tâm đến việc bảo vệ quyền lợi hợp pháp của viên chức, chăm lo đời sống giáo viên, nhân viên. Chủ động tổ chức các hoạt động tham quan du lịch, sân chơi gắn kết các thành viên trong tập thể, động viên viên chức thực hiện nhiệm vụ chính trị và thực hiện tốt quy chế dân chủ trong nhà trường. Chi đoàn giáo viên tuyên truyền, giáo dục lý tưởng, hỗ trợ giúp đỡ đoàn trường và liên đội; tổ chức các hoạt động giao lưu, chia sẻ và tạo nhiều sân chơi cho đoàn viên giáo viên, từ đó phát hiện và giới thiệu đoàn viên ưu tú cho đảng ủy để bồi dưỡng và phát triển đảng. Đoàn trường hoạt động theo điều lệ của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và theo chương trình của Quận đoàn Quận . Liên Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh sinh hoạt theo chương trình hoạt động Đội và phong trào thiếu nhi của Hội đồng Đội Quận 1 [H3-1.3-07]; [H9-1.3-08]; [H9-1.3-09]; [H9-1.3-19].

c) Tổ chức Công đoàn, Chi đoàn giáo viên, Đoàn thanh niên, liên Đội chủ động thực hiện rà soát và đề ra những biện pháp, nội dung điều chỉnh phù hợp cho năm tiếp theo [H3-1.3-10]; [H9-1.3-11]; [H9-1.3-12]; [H9-1.3-19].

Mức 2:

a) Đảng bộ Trường trung học phổ thông là Đảng bộ cơ sở trực thuộc Đảng bộ Quận , Ban Chấp hành Đảng bộ gồm 05 thành viên, trong đó Hiệu trưởng giữ chức vụ Bí thư đảng ủy. Năm học 2019 – 2020, đảng bộ có 58 đảng viên, phần lớn là đảng viên trẻ, chia làm 03 Chi bộ trực thuộc, chi bộ 01 gồm có 21 đảng viên thuộc tổ Toán, Văn, Anh văn, Chi bộ 02 gồm có 18 đảng viên thuộc tổ Lý, Hóa, Sinh, Sử, Địa, chi bộ 03 gồm có 19 đảng viên thuộc tổ văn phòng và tổ Thể dục – Nhạc – Họa – Quốc phòng hoạt động theo Điều lệ của Đảng Cộng sản Việt Nam và theo chỉ đạo của Quận ủy Quận . Trong 05 năm liền kề tính đến thời điểm đánh giá, đảng bộ có năm 2014, 2015, 2016, 2017 đạt trong sạch vững mạnh tiêu biểu và năm 2018 hoàn thành tốt nhiệm vụ [H1-1.3-01]; [H1-1.3-02]; [H2-1.3-03]; [H1-1.3-13]; [H1-1.3-14]; [H1-1.3-15]; [H1-1.3-16].

b) Ban Chấp hành Công đoàn, Chi đoàn giáo viên, Đoàn thanh niên, Đội thiếu niên đã hỗ trợ tích cực cho các hoạt động giáo dục lớn của trường như lễ khai giảng năm học, lễ hội đón học sinh khối 6, khối 10, lễ hội Tết Việt, lễ sơ kết, lễ tổng kết năm học [H9-1.3-08]; [H9-1.3-09]; [H3-1.3-10]; [H9-1.3-11].

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, đảng bộ có 04 năm liền 2014, 2015, 2016, 2017 đạt danh hiệu trong sạch vững mạnh tiêu biểu, năm 2018 hoàn thành tốt nhiệm vụ. Đảng bộ giữ vai trò lãnh đạo toàn diện các hoạt động của trường. Từ Nghị quyết, Đảng bộ tư vấn cho Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch hoạt động của nhà trường [H1-1.3-16]; [H1-1.3-17].

b) Ban Chấp hành Công đoàn, Chi đoàn giáo viên, Đoàn thanh niên, Đội thiếu niên của trường đã chủ động, sáng tạo xây dựng kế hoạch tổ chức nhiều hoạt động nhằm phát triển các phương pháp dạy, học và phát triển kỹ năng cho học sinh, giáo viên [H9-1.3-12]; [H3-1.3-10]; [H9-1.3-19]; [H9-1.3-18].

**2. Điểm mạnh**

Tỷ lệ đảng viên 32,7% vượt chuẩn quy định. Đảng bộ đạt danh hiệu trong sạch, vững mạnh tiêu biểu nhiều năm liền.

Ban Chấp hành Công đoàn, Chi đoàn giáo viên, Đoàn thanh niên, Đội thiếu niên đã hỗ trợ tích cực cho các hoạt động của nhà trường.

**3. Điểm yếu**

Công tác rà soát hoạt động của các tổ chức chưa được thực hiện thường xuyên, theo định kỳ.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm học 2019 – 2020, Bí thư Đảng ủy chỉ đạo ủy ban kiểm tra đảng ủy thường xuyên rà soát, đánh giá các hoạt động của đảng bộ và các chi bộ trực thuộc vào mỗi tháng trong cuộc họp đảng ủy.

Chủ tịch Công đoàn rà soát các hoạt động của tổ chức Công đoàn và kịp thời điều chỉnh trong cuộc họp với các tổ trưởng công đoàn mỗi tháng.

Bí thư Chi đoàn giáo viên, trợ lý thanh niên, tổng phụ trách đội rà soát, đánh giá các hoạt động của Đoàn thanh niên, Đội thiếu niên và báo cáo cho Hiệu trưởng.

**5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 3

**Tiêu chí 1.4:Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ Văn phòng**

Mức 1:

*a) Có hiệu trưởng, số lượng phó hiệu trưởng theo quy định;*

*b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu theo quy định;*

*c) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.*

Mức 2:

*a) Hằng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất 01 (một) chuyên đề chuyên môn có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục;*

*b) Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh.*

Mức 3:

*a) Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng có đóng góp trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường;*

*b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng giáo dục*.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Trường trung học phổ thông tính đến thời điểm hiện tại, nhà trường có 01 Hiệu trưởng và 03 phó hiệu trưởng với hồ sơ bổ nhiệm đầy đủ do Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hồ Chí Minh ký quyết định theo đúng quy định tại Điều 16 Điều lệ trường trung học [H1-1.4-01].

b) Trường có 09 tổ chuyên môn gồm: tổ Toán có 17 thành viên, tổ Vật lý – Kỹ thuật có 08 thành viên, tổ Hóa học có 08 thành viên, tổ Ngữ văn có 18 thành viên, tổ Tiếng Anh có 15 thành viên, tổ Sinh học – Công nghệ có 09 thành viên, tổ Thể dục – Nhạc – Họa – Quốc phòng có 11 thành viên, tổ Địa lý có 06 thành viên, tổ Lịch sử – Giáo dục công dân có 10 thành viên, tổ Tin học có 06 giáo viên và tổ văn phòng gồm các bộ phận: Giáo vụ, Văn thư, Y tế, Tài vụ, Giám thị, Phục vụ, Bảo mẫu, Bảo vệ – Bảo trì. Đầu mỗi năm học, Hiệu trưởng đã ban hành quyết định bổ nhiệm 08 tổ trưởng chuyên môn, 03 tổ phó chuyên môn và 01 tổ trưởng văn phòng [H1-1.4-02].

c) Các tổ chuyên môn, tổ văn phòng đều xây dựng kế hoạch hoạt động theo từng năm học dựa trên kế hoạch chung của trường. Tổ chuyên môn xây dựng và thực hiện kế hoạch hoạt động chung của tổ, xây dựng kế hoạch giảng dạy cá nhân dựa trên phân phối chương trình và các hoạt động giáo dục khác; tổ chức bồi dưỡng chuyên môn và nghiệp vụ; tham gia đánh giá, xếp loại các thành viên của tổ theo quy định của Chuẩn nghề nghiệp giáo viên. Tổ văn phòng xây dựng kế hoạch hoạt động cũng như về chế độ chính sách, điều kiện cơ sở vật chất, thiết bị, đảm bảo môi trường an toàn. Các kế hoạch đều được lãnh đạo nhà trường phê duyệt trước khi tổ chức thực hiện [H1-1.1-03]; [H8-1.4-04].

Mức 2:

a) Mỗi tổ chuyên môn của nhà trường hằng năm đều thực hiện ít nhất 01 chuyên đề. Các chuyên đề về đổi mới phương pháp dạy và học, đổi mới phương pháp đánh giá học sinh theo năng lực nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục toàn diện. Chú trọng một số chuyên đề nổi bật như thao giảng cấp Quận, cấp cụm, cấp thành phố. Đặc biệt chuyên đề cấp thành phố của tổ Địa lý “Đổi mới sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học” được đánh giá cao [H8-1.4-03]; [H8-1.4-04].

b) Họp giao ban định kỳ, Hiệu trưởng yêu cầu các tổ trưởng báo cáo cụ thể hoạt động tổ và nêu những khó khăn, đề xuất của tổ để lãnh đạo kịp thời tư vấn, hỗ trợ, điều chỉnh theo sát thực tế của trường[H4-1.1-05]; [H4-1.2-09].

Mức 3:

a) Trong nhiều năm qua, các tổ chuyên môn chú trọng đầu tư trong công tác hướng dẫn học sinh nghiên cứu khoa học, bồi dưỡng học sinh giỏi, tổ chức các chuyên đề tập huấn cho giáo viên, tổ chức các hoạt động ngoại khóa cho học sinh; tổ văn phòng có cố gắng nhưng chưa có nhiều đóng góp trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động chung [H8-1.4-03]; [H8-1.4-04]; [H4-1.1-05].

b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện với các chuyên đề, dự án theo những phương pháp học mới (báo cáo dự án, nghiên cứu khoa học, hoạt động trải nghiệm sáng tạo, dạy học theo định hướng giáo dục STEM). Tuy nhiên còn một vài tổ (tổ Tiếng Anh, tổ Sinh học) chưa đẩy mạnh các hoạt động đổi mới về phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá nên chưa có nhiều chuyên đề hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng giáo dục [H1-1.4-07]; [H4-1.1-05].

**2. Điểm mạnh**

Các tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu theo quy định và đã xây dựng kế hoạch, triển khai, tổ chức thực hiện nghiêm túc theo chỉ đạo chung của nhà trường.

Các tổ chuyên môn và tổ văn phòng thường xuyên rà soát, đánh giá nên đã kịp thời điều chỉnh các hoạt động phù hợp với thực tế của nhà trường.

Các chuyên đề tổ chuyên môn thực hiện tập trung vào việc đổi mới phương pháp giảng dạy và kiểm tra đánh giá: dạy học dự án, trải nghiệm sáng tạo, giáo dục STEM nhằm giúp nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục.

**3. Điểm yếu**

Còn một vài tổ (tổ Tiếng Anh, tổ Sinh học) chưa đẩy mạnh các hoạt động đổi mới về phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá nên chưa có nhiều chuyên đề hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng giáo dục.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ đầu mỗi năm học, Hiệu trưởng chỉ đạo các tổ chuyên môn đặc biệt là hỗ trợ tổ Tiếng Anh và tổ Sinh học xây dựng kế hoạch hoạt động của tổ theo hướng đổi mới mạnh mẽ phương pháp, dự kiến các dự án sẽ tiến hành và các chuyên đề bồi dưỡng cho giáo viên trong tổ.

Hiệu trưởng chỉ đạo tổ chức các chuyên đề bồi dưỡng vào tháng 7, tháng 8 hằng năm nhằm nâng cao năng lực của giáo viên, nhân viên trong nhà trường.

**5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 2

**Tiêu chí 1.5: Lớp học**

Mức 1:

*a) Có đủ các lớp của cấp học;*

*b) Học sinh được tổ chức theo lớp; lớp học được tổ chức theo quy định;*

*c) Lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ.*

Mức 2:

*Trường có không quá 45 (bốn mươi lăm) lớp. Sỹ số học sinh trong lớp theo quy định.*

Mức 3:

*Trường có không quá 45 (bốn mươi lăm) lớp. Mỗi lớp ở cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông có không quá 40 (bốn mươi) học sinh, lớp tiểu học không quá 35 (ba mươi lăm) học sinh (nếu có). Số học sinh trong lớp của trường chuyên biệt theo quy định tại quy chế tổ chức và hoạt động của trường chuyên biệt.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Ở cấp trung học cơ sở trường có đầy đủ các khối lớp từ lớp 6 đến lớp 9. Năm học 2019 – 2020 trường có 09 lớp 6, 09 lớp 7, 09 lớp 8 và 09 lớp 9, ở cấp trung học phổ thông có các khối lớp 10 đến lớp 12 [H6-1.5-01]; [H6-1.5-05].

b) Học sinh được tổ chức theo lớp, với tổng số là 60 lớp. Mỗi lớp có 01 lớp trưởng, 01, 02 hoặc 03 lớp phó. Mỗi lớp được chia thành nhiều tổ học sinh. Mỗi tổ có 01 tổ trưởng và có không quá 12 học sinh [H6-1.5-02]; [H2-1.5-03].

c) Các lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ, thể hiện qua việc bầu lớp trưởng, lớp phó, tổ trưởng do tập thể học sinh tín nhiệm bầu. Cán sự lớp thực hiện quản lý trật tự, vệ sinh lớp học, có phân công trực nhật, tổ chức giúp bạn học tốt, phân công tham gia các hoạt động thi đua chung của lớp của trường [H2-1.5-03]; [H6-1.5-04].

Mức 2:

Năm học 2019 – 2020, khối trung học phổ thông có 24 lớp với tổng số 997 học sinh, mỗi lớp học được phân bổ từ 40 đến 45 học sinh; khối trung học cơ sở có 36 lớp với tổng số 1389 học sinh, mỗi lớp học có từ 35 đến 45 học sinh. Tổng số lớp của nhà trường năm học 2019 – 2020 là 60 lớp. Tuy nhiên năm học 2018 – 2019, có 01 số lớp có sĩ số trên 45 học sinh [H6-1.5-05].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường có cơ cấu tổ chức lớp đủ theo quy định tại Điều lệ trường trung học và các lớp có đầy đủ lớp trưởng, lớp phó, tổ trưởng do tập thể lớp bầu ra và hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ.

**3. Điểm yếu**

Có năm học 2018 – 2019, có 03 lớp sĩ số trên 45 học sinh.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm học 2019 – 2020, Hiệu trưởng phân công phó hiệu trưởng chuyên môn. Căn cứ vào kết quả học tập và rèn luyện của học sinh để xây dựng kế hoạch xếp lớp từ đầu năm học. Không xếp lớp quá 45 học sinh/lớp.

**5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 1

**Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản**

Mức 1:

*a) Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định;*

*b) Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành;*

*c) Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.*

Mức 2:

*a) Ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường;*

*b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.*

Mức 3:

*Có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và dài hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Nhà trường tổ chức lưu trữ khoa học theo từng bộ phận phụ trách như học vụ, quản lý điểm, văn thư, kế toán – tài vụ. Việc lưu trữ hồ sơ được thực hiện đầy đủ, theo quy định của Điều lệ trường trung học và của Luật Lưu trữ, bao gồm: Sổ đăng bộ, sổ theo dõi học sinh chuyển đến, chuyển đi, sổ gọi tên và ghi điểm, sổ ghi đầu bài, học bạ học sinh, sổ quản lý cấp phát văn bằng, chứng chỉ, sổ quản lý các văn bản, công văn đi, đến, sổ quản lý tài sản, thiết bị giáo dục, sổ quản lý tài chính, sổ thi đua khen thưởng; hồ sơ kỷ luật học sinh [H6-1.5-01]; [H6-1.6-02]; [H6-1.5-02]; [H6-1.6-06]; [H6-1.6-03]; [H6-1.6-04]; [H6-1.6-01]; [H7-1.6-07; [H5-1.6-10]; [H1-1.6-05]; [H6-1.6-08].

b) Hằng năm và định kỳ trường chủ động lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính, tài sản theo đúng quy định.Xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ rõ ràng, phù hợp, cập nhật điều chỉnh hằng năm và được bàn bạc công khai, dân chủ, thông qua hội nghị cán bộ, công chức, viên chức vào đầu mỗi năm học [H5-1.6-10]; [H5-1.6-18]; [H5-1.6-20].

Trường thực hiện nghiêm túc việc công khai tài chính và đảm bảo quy chế dân chủ cơ sở, tạo điều kiện để cán bộ, giáo viên, nhân viên biết và tham gia giám sát, kiểm tra. Việc công khai tài chính thực hiện thông qua các văn bản được niêm yết tại phòng giáo viên, trong hội nghị cán bộ công chức và các cuộc họp [H5-1.6-12]; [H1-1.1-05].

Công tác tự kiểm tra tài chính được thực hiện định kỳ và đột xuất đúng quy định. Sau khi tự kiểm tra tài chính, Ban Thanh tra nhân dân và lãnh đạo thông báo công khai trong nhà trường [H5-1.6-11]; [H5-1.6-19].

c) Hằng năm, bộ phận tài chính, các tổ chuyên môn tham mưu, đề xuất với Hiệu trưởng việc mua sắm, sửa chữa thiết bị, cơ sở vật chất đúng mục đích, đáp ứng tốt hoạt động giáo dục. Qua đó, Hiệu trưởng kiểm tra, phê duyệt đề xuất để mua sắm, sửa chữa cũng như quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ hoạt động giáo dục [H5-1.6-13].

Mức 2:

a) Bộ phận kết toán của nhà trường thực hiện tốt việc ứng dụng công nghệ thông tin trong việc quản lý tài chính và tài sản bằng các phần mềm chuyên dụng. Bộ phận học vụ đã sử dụng các phần mềm ứng dụng E-PMIS để quản lý hồ sơ cá nhân, các thông tin được cập nhật đầy đủ, kịp thời [H5-1.6-09].

b) Nhà trường có kết luận thanh tra, kiểm toán trong 05 năm liên tiếp, liền kề. Trường không vi phạm liên quan đến quản lý hành chính, tài chính, tài sản [H5-1.6-14].

Mức 3:

Nhà trường có kế hoạch ngắn hạn, nhưng chưa có kế hoạch trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện của trường, thực tế địa phương [H5-1.6-21].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường có đầy đủ hệ thống sổ sách chuyên môn, tài chính, tài sản và được lưu trữ theo quy định. Thực hiện kiểm tra và công khai tài chính minh bạch, rõ ràng theo đúng quy định về quản lý tài chính. Ứng dụng tốt công nghệ thông tin trong quản lý hành chính, tài chính và tài sản của trường. Kiểm toán trong 05 năm qua, trường không có vi phạm liên quan đến quản lý hành chính tài chính, tài sản.

**3. Điểm yếu**

Nhà trường chưa có kế hoạch trung hạn và dài hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện của trường, thực tế địa phương.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm học 2019 – 2020, Hiệu trưởng tiếp tục chỉ đạo việc xây dựng kế hoạch cụ thể trong việc quản lý hồ sơ của học sinh, giáo viên, nhân viên; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và điều hành các hoạt động của trường; xây dựng kế hoạch trung hạn 2 – 3 năm và kế hoạch dài hạn 3 – 5 năm để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện của trường và thực tế địa phương nhằm định hướng cho công tác lập dự toán ngân sách nhà nước; tích cực hơn nữa trong việc phối hợp với cha mẹ học sinh, các doanh nghiệp, các nhà hảo tâm nhằm huy động thêm kinh phí hợp pháp để hỗ trợ cho các hoạt động giáo dục của nhà trường.

**5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 2

**Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên**

Mức 1:

*a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên;*

*b) Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên của nhà trường đảm bảo hiệu quả các hoạt động;*

*c) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định.*

Mức 2:

*Có các biện pháp phát huy được năng lực của cán bộ, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Hằng năm, trường xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, giáo viên và nhân viên vào tháng 7 và tháng 8. Tổ chức tốt học chính trị hè, hội thảo và tập huấn các chuyên đề, các tiết thao giảng trong suốt năm học. Hỗ trợ nhân viên văn thư, y tế tham gia lớp bồi dưỡng nghiệp vụ về công tác văn thư, lưu trữ, y tế học đường [H1-1.7-01].

b) Hiệu trưởng chỉ đạo, phân công nhiệm vụ 03 Phó hiệu trưởng, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý theo năng lực, sở trường của từng cá nhân. Vì thế chất lượng các hoạt động giáo dục đạt hiệu quả cao [H1-1.7-02]; [H1-1.7-05].

c) Cán bộ, giáo viên và nhân viên đảm bảo các quyền lợi theo quy định về đào tạo nâng cao trình độ, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ; các chế độ lương, phụ cấp và các chế độ khác theo quy định; được khám sức khỏe định kỳ, hưởng các chính sách quy định đối với nhà giáo và các quyền lợi theo Nghị quyết Hội nghị cán bộ công chức, viên chức [H1-1.7-06]; [H3-1.7-07]; [H3-1.7-08].

Mức 2:

Nhà trường đã thực hiện các biện pháp phát huy năng lực của cán bộ, giáo viên, nhân viên như trao quyền chủ động cho tổ trưởng chuyên môn trong việc xây dựng chương trình giáo dục phù hợp; tổ chức hội thi giáo viên giỏi; lãnh đạo tiếp nhận, tư vấn, hỗ trợ và đồng hành với những giáo viên có ý tưởng xây dựng bài dạy theo hướng đổi mới; cử giáo viên, nhân viên tham gia các lớp học nâng cao về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, nâng chuẩn.Tuy nhiên một số giáo viên trẻ năng lực chuyên môn chưa ổn định, thiếu kinh nghiệm trong công tác quản lý và giáo dục học sinh [H4-1.2-09]; [H1-1.7-04]; [H4-1.1-05].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường thực hiện tốt kế hoạch bồi dưỡng, phát triển đội ngũ hằng năm. Phân công sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên hợp lý và đảm bảo các hoạt động của trường.

**3. Điểm yếu**

Một số giáo viên trẻ năng lực chuyên môn chưa ổn định, thiếu kinh nghiệm trong công tác quản lý và giáo dục học sinh.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm học 2019 – 2020, Hiệu trưởng chỉ đạo phó hiệu trưởng xây dựng kế hoạch, lộ trình để bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho những giáo viên trẻ và giáo viên mới nhận công tác.

Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch và chủ động, tham mưu với cấp trên để đề cử, sắp xếp, tạo điều kiện về kinh phí và thời gian hỗ trợ cho cán bộ, giáo viên, nhân viên tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, chính trị cũng như tin học, ngoại ngữ.

**5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 2

**Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục**

Mức 1:

*a) Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường;*

*b) Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ;*

*c) Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.*

Mức 2:

*Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động giáo dục, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả. Quản lý hoạt động dạy thêm, học thêm trong nhà trường theo quy định (nếu có).*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Hằng năm, Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch giáo dục dựa vào điều kiện thực tế, tình hình về nhân sự, cơ sở vật chất và quy mô lớp học. Kế hoạch giáo dục từng năm học thể hiện cách thức, mô hình tổ chức dạy học, các hoạt động học tập, giáo dục, rèn luyện cho học sinh và được cụ thể hoá thành chương trình giáo dục nhà trường, đăng tải lên trang thông tin điện tử nội bộ để giáo viên dễ dàng theo dõi và thực hiện [H1-1.1-06]; [H1-1.7-04].

b) Dạy học đủ số tiết học cho từng bộ môn theo quy định hiện hành. Nội dung dạy học đúng theo phân phối chương trình đã được xây dựng thống nhất trong trong tổ từ đầu năm, kế hoạch hoạt động 2 buổi, các hoạt động bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu được tổ chức nghiêm túc, đầy đủ và đạt hiệu quả [H1-1.6-06]; [H2-1.8-01]; [H8-1.4-04]; [H4-1.1-05]; [H6-1.8-02].

c) Kế hoạch giáo dục của trường được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời: việc kiểm tra sổ đầu bài hằng tuần nhằm rà soát tiến trình dạy học. Các buổi họp giao ban chuyên môn và các cuộc họp tổ đã rà soát chương trình, đánh giá các hoạt động của tổ. Báo cáo sơ kết học kỳ và tổng kết năm học hằng năm đều được đánh giá cụ thể và điều chỉnh phù hợp. Tuy nhiên có một vài tổ chuyên môn chưa rà soát thường xuyên việc thực hiện chương trình giáo dục để điều chỉnh kịp thời, phù hợp với tình hình thực tế [H4-1.1-05]; [H4-1.2-09].

Mức 2:

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của trường đối với các hoạt động giáo dục được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả cao. Trường tổ chức dạy học 2 buổi/ngày nên không tổ chức dạy thêm, học thêm trong nhà trường. Hiệu trưởng triển khai và quán triệt đầy đủ các văn bản quy định về dạy thêm học thêm hiện hành đến toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh của trường. Hoạt động đổi mới phương pháp dạy học chưa được quản lý chặt chẽ, một số lớp có nhiều các dự án, các hoạt động sáng tạo trong khi có những lớp không thực hiện dự án nào [H2-1.8-03].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường chủ động xây dựng kế hoạch giáo dục phù hợp với tình hình thực tế và đảm bảo theo quy định hiện hành.

Kế hoạch giáo dục được triển khai thực hiện đầy đủ, thường xuyên kiểm tra, đánh giá và điều chỉnh kịp thời, hợp lý nên được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả cao.

**3. Điểm yếu**

Có một vài tổ chuyên môn chưa rà soát thường xuyên việc thực hiện chương trình giáo dục để điều chỉnh kịp thời, phù hợp với tình hình hiện tại.

Hoạt động đổi mới phương pháp dạy học chưa được quản lý chặt chẽ, một số lớp có nhiều các dự án, các hoạt động trong khi có những lớp không thực hiện dự án nào.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Hiệu trưởng tiếp tục chú trọng xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch giáo dục cụ thể, đúng quy định hiện hành và phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường.

Trong năm học 2019 – 2020 , phó hiệu trưởng cùng với tổ trưởng chuyên môn tăng cường trao đổi, đề xuất các biện pháp, định hướng trong việc rà soát, điều chỉnh cũng như quản lý chặt chẽ nhằm thực hiện đồng bộ và đạt hiệu quả cao hoạt động giáo dục toàn diện.

**5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 2

**Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở**

Mức 1:

*a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường;*

*b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật;*

*c) Hằng năm, có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.*

Mức 2:

*Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Đầu năm học, Hiệu trưởng dự thảo kế hoạch năm học và bổ sung, điều chỉnh nội quy, quy định, quy chế hoạt động. Sau đó tổ chức các cuộc họp Hội đồng trường, cán bộ chủ chốt để thảo luận, đóng góp ý kiến; gửi về tất cả giáo viên, tổ trưởng chuyên môn sẽ họp lấy ý kiến; thư ký hội đồng trường tổng hợp. Xây dựng các quy chế, nội quy, quy định, tiêu chuẩn liên quan đến các hoạt động của trường thông qua Hội nghị cán bộ – công chức – viên chức được tổ chức vào đầu năm học để bàn bạc, thảo luận, thống nhất về nghĩa vụ, quyền lợi, các chỉ tiêu phấn đấu. Tuy nhiên, một số ít viên chức và người lao động chưa mạnh dạn đóng góp ý kiến tại các cuộc họp, các buổi sinh hoạt của trường [H3-1.7-08]; [H4-1.2-09]; [H3-1.1-07].

b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh, cha mẹ học sinh nếu thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường đều được giải quyết hợp tình, hợp lý đúng quy định pháp luật [H6-1.9-04].

c) Hằng năm nhà trường nghiêm túc, báo cáo đầy đủ, kịp thời việc tổ chức thực hiện quy chế dân chủ cơ sở cho Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh [H2-1.9-01]; [H3-1.9-03].

Mức 2:

Việc giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở tại trường đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả. Đối với cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường: Phổ biến trước Hội đồng sư phạm, niêm yết tại phòng Giáo viên, thông báo bằng văn bản đến từng cán bộ, giáo viên, nhân viên. Thông báo bằng văn bản cho Ban Chấp hành Công đoàn cơ sở. Đối với Cha mẹ học sinh: thông qua Đại hội Cha mẹ học sinh đầu năm, niêm yết trước cổng trường, thông tin qua các buổi họp Cha mẹ học sinh [H6-1.9-04]; [H4-1.2-09].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường thực hiện nghiêm túc việc công khai minh bạch trong tất cả các hoạt động. Cán bộ, giáo viên, nhân viên được thảo luận, đóng góp ý kiến trong tất cả các hoạt động của trường.

**3. Điểm yếu**

Một số ít viên chức và người lao động chưa mạnh dạn đóng góp ý kiến tại các cuộc họp, các buổi sinh hoạt của nhà trường.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm học 2020 – 2021, Hiệu trưởng tiếp tục phối hợp tốt với Ban chấp hành Công đoàn, Ban Thanh tra Nhân dân của trường giám sát chặt chẽ việc thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường và các nội dung công khai, minh bạch, rõ ràng bằng các hình thức quy định.

Từ năm học 2020 – 2021, Ban Chấp hành Công đoàn và tổ trưởng công đoàn các tổ động viên, khuyến khích viên chức, người lao động tích cực, mạnh dạn tham gia đóng góp ý kiến để hoạt động của trường ngày càng hiệu quả hơn.

**5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 2

**Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học**

Mức 1:

*a) Có phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; những trường có tổ chức bếp ăn cho học sinh được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm;*

*b) Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường;*

*c) Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.*

Mức 2:

*a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh được phổ biến, hướng dẫn và thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường;*

*b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Trường có quy chế phối hợp bảo đảm an toàn cho học sinh và cam kết bảo đảm an ninh trật tự với Công an Phường , Quận . Trường có kế hoạch phòng chống tai nạn, thương tích, bảo đảm an toàn, phòng cháy, chữa cháy. Mỗi năm học, trường đều phối hợp với Công an Phường , trạm y tế phường để tập huấn cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và diễn tập cùng học sinh về phòng cháy chữa cháy. Nhà trường thường xuyên phối hợp tốt với Trạm y tế Phường, Trung tâm y tế Quận để bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm. Bếp ăn của trường được xây dựng đúng quy chuẩn và được công nhận đủ điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm. Công tác phòng chống ngộ độc thực phẩm được chú trọng, nhân viên nhà bếp có đủ sức khỏe, được tập huấn về kiến thức an toàn thực phẩm đầy đủ. Công tác phòng chống dịch bệnh được triển khai đầy đủ, kịp thời [H1-1.10-08]; [H6-1.10-02]; [H10-1.10-04]; [H1-1.10-07]; [H1-1.10-12].

b) Nhà trường trang bị hộp thư góp ý tại sảnh, công khai cho học sinh biết, có đường dây nóng để tiếp nhận thông tin phản ánh kịp thời. Trường luôn bảo đảm an toàn cho học sinh và cán bộ, giáo viên, nhân viên: Cơ sở vật chất thường xuyên rà soát, kiểm tra, sửa chữa và thay mới, đảm bảo an toàn khi sử dụng các trang thiết bị điện, điện tử [H6-1.10-05]; [H1-1.10-06]; [H1-1.10-11].

c) Nhà trường không có hiện tượng kỳ thị vi phạm về giới và bạo lực học đường. Trường chú trọng, thường xuyên phối hợp với Công an Thành phố Hồ Chí Minh mời các chiến sĩ công an về trường tổ chức các buổi sinh hoạt dưới cờ về văn hóa ứng xử nhằm phòng chống bạo lực học đường và tập huấn kỹ năng tự vệ, kỹ năng mềm học sinh [H9-1.10-09]; [H9-1.10-10].

Mức 2:

a) Nhà trường đã chú trọng xây dựng kế hoạch phổ biến, hướng dẫn cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh thực hiện phương án: đảm bảo an ninh trật tự trường học, an toàn vệ sinh thực phẩm, phòng chống tai nạn thương tích, cháy nổ, dịch bệnh, các tệ nạn xã hội và phòng chống bạo lực trong trường. Tuy nhiên, học sinh khối trung học cơ sở của trường còn nhỏ nên việc tự phòng chống cháy nổ, phòng chống dịch bệnh và các tệ nạn xã hội, các tai nạn thương tích còn hạn chế [H1-1.10-08]; [H9-1.10-10].

b) Công tác kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự được trường quan tâm thường xuyên: Định kỳ mỗi tháng, lãnh đạo có buổi trực tiếp trò chuyện, trao đổi, tiếp nhận ý kiến của học sinh các khối lớp. Thường xuyên tiếp nhận, xử lý thông tin, phản hồi, góp ý từ cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường, phụ huynh học sinh nhằm đảm bảo tuyệt đối an toàn, an ninh học đường. Nhà trường hiện có hơn 150 camera được lắp đặt tại các cổng trường, dãy hành lang, dãy phòng học, cầu thang, phòng chức năng. Các màn hình quan sát được lắp đặt tại phòng giám thị và có giám thị trực camera quan sát bao quát tình hình trường học, phát hiện và xử lý nhanh các trường hợp gây mất an toàn, an ninh trường học [H1-1.10-13].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường có kế hoạch đảm bảo an toàn, an ninh, trật tự, phòng chống tai nạn thương tích, cháy nổ, phòng tránh các hiểm hoạ, phòng chống dịch bệnh, an toàn vệ sinh thực phẩm trong trường học được đảm bảo an toàn. Có các kênh để tiếp nhận thông tin phản ánh, xử lý kịp thời. Không để xảy ra hiện tượng kỳ thị và bạo lực học đường.

Cơ sở vật chất đầy đủ các phương tiện phòng chống cháy nổ, bảo đảm an toàn, an ninh trong nhà trường. Nhà trường hiện có hơn 150 camera được lắp đặt tại các cổng trường, dãy hành lang, dãy phòng học, cầu thang, phòng chức năng.

**3. Điểm yếu**

Chưa hình thành được ý thức tự đảm bảo an toàn ở trường học và giữ gìn an ninh trật tự của học sinh.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2020 – 2021, Hiệu trưởng chỉ đạo mời báo cáo viên của Công an Quận , Cán bộ y tế của Quận tập huấn về phòng chống tai nạn thương tích, cháy nổ, phòng tránh các hiểm họa thiên tai, phòng chống dịch bệnh, ngộ độc thực phẩm, phòng tránh các tệ nạn xã hội, phòng chống kỳ thị về giới và bạo lực cho cán bộ, giáo viên, nhân viên.

Hiệu trưởng chỉ đạo Đoàn thanh niên, tổng phụ trách đội, giáo viên chủ nhiệm, nhân viên y tế tổ chức các chuyên đề hướng dẫn học sinh về phòng chống cháy nổ, thiên tai, dịch bệnh, ngộ độc thực phẩm; chỉ đạo giáo viên Quốc phòng lồng ghép phòng chống tai nạn trong các giờ học Quốc phòng.

**5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 2

**Kết luận về Tiêu chuẩn 1:**

**1. Điểm mạnh nổi bật**

Trường trung học phổ thông đã chủ động xây dựng được chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2015 – 2020 hướng đến sự phát triển toàn diện, đồng bộ. Đồng thời điều chỉnh Chiến lược phát triển nhà trường theo từng năm học tiếp cận với tình hình thực tế tại đơn vị và yêu cầu giáo dục không ngừng đổi mới của ngành.

Các tổ chức đoàn thể phần lớn là đảng viên; đoàn viên trẻ, nhiệt tình, gương mẫu, có tinh thần đoàn kết cao; phối hợp hoạt động có hiệu quả.

Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo đúng quy định tại Điều 16, Điều 17 của Điều lệ trường trung học. Các chuyên đề tổ chuyên môn thực hiện nhịp nhàng, đều tay và tập trung vào việc đổi mới phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá giúp nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục.

Nhà trường thực hiện tốt các Quy chế dân chủ cơ sở, các hoạt động của trường như chất lượng giáo dục, tài chính, cơ sở vật chất đều công khai, minh bạch; tập thể đoàn kết, không có đơn thư phản ánh, khiếu nại.

Trường luôn nhận được sự ủng hộ và tạo điều kiện phối hợp của các lực lượng chức năng và phụ huynh học sinh trong việc lập kế hoạch và tiến hành đảm bảo an toàn, an ninh trường học, phòng chống tai nạn thương tích không có tệ nạn xã hội. Công tác bảo vệ, phòng chống cháy nổ, dịch bệnh được thực hiện nghiêm túc. Công tác thông tin được chú trọng, đảm bảo tính khoa học và hiệu quả trong quản lý và hoạt động.

**2. Điểm yếu cơ bản**

Do trường có diện tích nhỏ nhưng hoạt động với hai cấp học gồm 7 khối lớp nên số lượnglớp của mỗi năm học luôn trên 45 lớp. Chính điều này dẫn đến nhiều khó khăn và hạn chế trong việc chia phòng, xếp thời khoá biểu, đảm bảo sĩ số và đồng bộ hệ thống quản lý điều hành trong việc lưu trữ, thống kê, tổng hợp, báo cáo.

Hoạt động đổi mới phương pháp dạy học chưa được quản lý chặt chẽ nên chưa có sự đồng đều giữa các lớp và các tổ chuyên môn.

Nhiều giáo viên trong hội đồng kiêm nhiệm nhiều công tác. Một số giáo viên trẻ có năng lực chuyên môn chưa ổn định, thiếu kinh nghiệm trong quản lý và giáo dục học sinh. Thiếu giáo viên tư vấn tâm lý học đường.

**3. Tự đánh giá tiêu chuẩn 1**: Đạt Mức 1

- Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 10/10 (trong đó mức 1 đạt 10/10; mức 2 đạt 08/10; mức 3 đạt 01/04).

- số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00.

**Tiêu chuẩn 2**: **Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên**

**Mở đầu**

Lãnh đạo và toàn thể giáo viên của Trường trung học phổ thông đều đạt chuẩn, yêu cầu theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các quy định khác. Giáo viên của trường là tập thể giáo viên trẻ, năng động sáng tạo và tích cực tham gia các hoạt động trải nghiệm, hướng dẫn học sinh nghiên cứu khoa học, kiêm nhiệm công tác đoàn thể đáp ứng yêu cầu theo quy định và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Nhân viên thư viện, thiết bị, văn phòng, kế toán, thủ quỹ, y tế, có chuyên môn nghiệp vụ vững, có kinh nghiệm và nhiệt tình trong các công tác được phân công, luôn cố gắng vượt qua khó khăn để hoàn thành tốt nhiệm vụ. Học sinh của trường chăm ngoan, học giỏi, năng động, sáng tạo, tham gia tích cực các phong trào. Nhà trường luôn xây dựng được khối đoàn kết giữa cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh, không để xảy ra tình trạng khiếu kiện trong trường học, không có cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên bị xử lý kỷ luật. Là một trong những trường đi đầu về công tác đổi mới phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá và hoạt động học tập trải nghiệm trong và ngoài trường. Hằng năm, cán bộ, giáo viên, nhân viên thực hiện đầy đủ các phiếu đánh giá công chức, viên chức và chuẩn nghề nghiệp.

**Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng**

Mức 1:

*a) Đạt tiêu chuẩn theo quy định;*

*b) Được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng trở lên;*

*c) Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định.*

Mức 2:

*a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên;*

*b) Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm.*

Mức 3:

*Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Nhà trường có 01 Hiệu trưởng, 03 Phó Hiệu trưởng đạt các yêu cầu theo quy định tại Điều lệ trường trung học: đạt trình độ đào tạo chuyên môn nghiệp vụ từ đại học trở lên, đạt tiêu chuẩn về phẩm chất đạo đức, trình độ lý luận chính trị, có năng lực quản lý tốt, có đủ sức khỏe theo yêu cầu [H1-1.4-01].

b) Hàng năm Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng đều được tập thể sư phạm nhà trường đánh giá xếp loại xuất sắc theo chuẩn Hiệu trưởng trường trung học phổ thông hiện hành [H2-2.1-01].

c) Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng tham dự đầy đủ các lớp bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ, chương trình đổi mới giáo dục, tham gia khóa bồi dưỡng cán bộ quản lý trường phổ thông năm học 2017 – 2018. Tuy nhiên Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng chưa phấn đấu nâng cao năng lực ngoại ngữ để giao tiếp tốt ngoại ngữ [H6-2.1-02]; [H6-2.1-03]; [H1-2.1-04].

Mức 2:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá có 04 năm được đánh giá đạt chuẩn Hiệu trưởng ở mức tốt, 01 năm đạt mức khá (năm học 2018 – 2019) theo Quy định chuẩn Hiệu trưởng hiện hành[H1-2.1-01].

b) Hiệu trưởng đã học lớp cử nhân chính trị từ năm 2015 –2018. Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị hàng năm theo quy định. Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng có tâm, có tầm, bám trường, bám lớp, gần gũi với giáo viên và học sinh, nhận được sự tín nhiệm cao [H6-2.1-05].

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng nhà trường đạt chuẩn ở mức khá trở lên, trong đó có 01 năm đạt chuẩn ở mức tốt theo Quy định chuẩn Hiệu trưởng hiện hành [H1-2.1-01].

**2. Điểm mạnh**

Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng có năng lực quản lý, chuyên môn vững vàng, luôn được sự tín nhiệm cao của tập thể.

Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng có ý thức cầu tiến, chủ động học tập nâng cao trình độ và nghiệp vụ trong công tác.

**3. Điểm yếu**

Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng chưa phấn đấu để nâng cao năng lực ngoại ngữ để giao tiếp tốt ngoại ngữ.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm học 2020 – 2021, Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng, tăng cường công tác xây dựng kế hoạch tự học tự bồi dưỡng, nâng cao năng lực ngoại ngữ nhằm giao tiếp tốt hơn.

**5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 2

**Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên**

Mức 1:

*a) Có số lượng, cơ cấu giáo viên đủ đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục và tổ chức các hoạt động giáo dục;*

*b) 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định;*

*c) Có ít nhất 95% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên.*

Mức 2:

*a) Trong 5 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo trình độ đào tạo;*

*b) Trong 5 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và có ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn;*

*c) Có khả năng tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, định hướng phân luồng cho học sinh; có khả năng hướng dẫn nghiên cứu khoa học; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá không có giáo viên bị kỷ luật hình thức cảnh cáo trở lên.*

Mức 3:

*a)Trong 05 năm liên tiếp tính đến đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 70% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên , trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt;*

*b) Trong 5 năm lên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, giáo viên có báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học.*

**1. Mô tả hiện trạng.**

Mức 1:

a) Nhà trường có đủ số lượng, cơ cấu giáo viên theo quy định tại Thông tư số 16/2017/TT-BGDDT ngày 12 tháng 7 năm 2017 về hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập và các quy định khác. Đầu năm học 2019 – 2020, trường có 119 giáo viên/60 lớp chiếm tỷ lệ định biên lớp học là 1,98 giáo viên/lớp, đến tháng 01 năm 2020 có 01 giáo viên nghỉ hưu theo chế độ và 01 giáo viên xin nghỉ dạy, còn 117 giáo viên tỷ lệ 1,95 giáo viên/lớp đảm bảo dạy đủ các môn học bắt buộc theo quy định của Điều lệ trường trung học [H2-2.2-01], [H1-2.2-03].

b) Hiện nay 100% giáo viên của nhà trường đã đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định tại Điều 33 Điều lệ trường trung học. Đến thời điểm hiện tại, trường có 33,9% giáo viên đạt trình độ trên chuẩn [H6-2.2-02].

c) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá nhà trường có 100% giáo viên được đánh giá chuẩn nghề nghiệp ở mức đạt trở lên, trong đó có trên 90% đạt chuẩn nghề nghiệp từ mức khá trở lên [H1-2.2-03].

Mức 2:

a) Trong 05 năm liên tiếp đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên đạt trình độ trên chuẩn được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp [H1-2.2-03].

b) Năm học 2015 – 2016, trường có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp từ khá trở lên, trong đó có 91,7% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp ở mức tốt.

Năm học 2016 – 2017, trường có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp từ khá trở lên, trong đó có 92,1% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp ở mức tốt.

Năm học 2017 – 2018, trường có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp từ khá trở lên, trong đó có 90,8% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp ở mức tốt.

Năm học 2018 – 2019, trường có 98,9% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp ở mức khá trở lên, trong đó có 90,3% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp ở mức tốt [H1-2.2-03].

c) Giáo viên của trường đã chủ động tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, định hướng phân luồng học sinh và tổ chức hội thi khoa học kỹ thuật dành cho học sinh trung học hàng năm để chọn các đề tài dự thi cấp thành phố. Một số giáo viên trẻ chưa có kinh nghiệm trong quản lý lớp và giảng dạy [H6-2.2-04]; [H6-2.2-05].

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, trường không có giáo viên bị kỉ luật từ hình thức cánh cáo trở lên [H2-1.7-03].

Mức 3:

a) Năm học 2015 – 2016, trường có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp, trong đó có 91,7% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp ở mức tốt.

Năm học 2016 – 2017, 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp, trong đó có 92,1% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp ở mức tốt.

Năm học 2017 – 2018, 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp, trong đó có 90,8% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp ở mức tốt.

Năm học 2018 – 2019, 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp, trong đó có 90,3% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp ở mức tốt [H1-2.2-03].

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, giáo viên của trường chỉ tham gia hướng dẫn học sinh nghiên cứu khoa học hàng năm và không có giáo viên báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học [H6-2.2-04]; [H6-2.2-05].

**2. Điểm mạnh**

Đội ngũ giáo viên đáp ứng nhu cầu phát triển của nhà trường.

Không có giáo viên vi phạm về đạo đức nhà giáo và quy định hiện hành.

Trường có tỷ lệ cán bộ, giáo viên đạt trình độ trên chuẩn cao (33,9%). Giáo viên có ý thức học tập nâng cao trình độ trên chuẩn ngày càng nhiều.

**3. Điểm yếu**

Một số giáo viên trẻ chưa có kinh nghiệm trong quản lý lớp và giảng dạy.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ đầu năm học 2020 – 2021, Hiệu trưởng phân công phó hiệu trưởng và tổ trưởng chuyên môn tích cực dự giờ, góp ý cho giáo viên trẻ để công tác giảng dạy và quản lý lớp tốt hơn. Chỉ đạo Bí thư Chi đoàn giáo viên lên kế hoạch tập huấn về ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy, làm điểm, chia sẻ kinh nghiệm quản lý học sinh cho giáo viên trẻ.

**5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 2

**Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên**

Mức 1:

*a) Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công;*

*b) Được phân công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực;*

*c) Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.*

Mức 2:

*a) Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định;*

*b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.*

Mức 3:

*a) Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm;*

*b) Hằng năm, được tham gia đầy đủ các khóa, lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Nhà trường có đầy đủ nhân viên phụ trách các mảng công tác như văn thư, kế toán, thủ quỹ, y tế, thư viện, thiết bị, bảo vệ, phục vụ [H6-2.2-02].

b) Đầu tháng 8 hằng năm, Hiệu trưởng phân công công việc phù hợp với chuyên môn nghiệp vụ, năng lực thực tế của từng nhân viên [H1-1.7-05].

c) Tất cả nhân viên nhà trường đã hoàn thành nhiệm vụ được giao thông qua kết quả đánh giá từng học kỳ và cả năm học [H1-2.3-01].

Mức 2:

a) Nhà trường có đầy đủ nhân viên phụ trách các mảng công tác: có 01 văn thư, 01 kế toán trưởng, 01 thủ quỹ, 01 công nghệ thông tin, 02 thư viện, 01 y tế, 01 thiết bị thí nghiệm, 05 bảo vệ và 02 phục vụ [H6-2.2-02].

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, trường không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên [H1-2.3-01].

Mức 3:

a) Nhân viên của trường có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm. Nhân viên kế toán có trình độ đại học; y tế có trình độ y sĩ theo đúng chuyên môn. Nhân viên phục vụ, bảo vệ được bồi dưỡng về nghiệp vụ được giao. Tuy nhiên năng lực của nhân viên tại một số vị trí việc làm còn chưa tốt, chưa linh hoạt, sáng tạo trong thực hiện nhiệm vụ [H6-2.2-02].

b) Hằng năm, các nhân viên được tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí được phân công [H6-2.3-02]; [H6-2.3-03].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường có đầy đủ nhân viên phụ trách các mảng công tác. Tất cả nhân viên đều có trình độ trung cấp trở lên theo đúng nghiệp vụ chuyên môn và đều thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao.

**3. Điểm yếu**

Năng lực của nhân viên tại một số vị trí việc làm còn chưa tốt, chưa linh hoạt, sáng tạo trong thực hiện nhiệm vụ.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm học 2020 – 2021, Hiệu trưởng chỉ đạo tổ chức các buổi tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên và cử nhân viên tham gia các lớp tập huấn của Phòng Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo; đề nghị xây dựng kế hoạch tự học, tự nâng cao trình độ và đưa vào nhiệm vụ bắt buộc của từng năm học.

**5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 1

**Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh**

Mức 1:

*a) Đảm bảo về tuổi học sinh theo quy định;*

*b) Thực hiện các nhiệm vụ theo quy định;*

*c) Được đảm bảo các quyền theo quy định.*

Mức 2:

*Học sinh vi phạm các hành vi không được làm được phát hiện kịp thời, được áp dụng các biện pháp giáo dục phù hợp và có chuyển biến tích cực.*

Mức 3:

*Học sinh có thành tích trong học tập, rèn luyện có ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động của lớp và nhà trường.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Học sinh của trường đảm bảo về độ tuổi theo quy định. Tuổi của học sinh vào học lớp 10 là 15 tuổi, tuổi của học sinh vào học lớp 6 là 11 tuổi [H6-1.5-01]; [H6-1.5-02]; [H6-1.5-03].

b) Học sinh của trường thực hiện nghiêm túc nhiệm vụ học tập, rèn luyện theo chương trình, kế hoạch giáo dục hiện hành. Biết kính trọng, lễ phép đối với cha mẹ, cán bộ, thầy giáo, cô giáo, nhân viên của trường và những người lớn tuổi; đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau trong học tập, rèn luyện; thực hiện đầy đủ điều lệ, nội quy nhà trường; tham gia các hoạt động tập thể của trường, của lớp, của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh; giúp đỡ gia đình và tham gia các công tác xã hội. Giữ gìn, bảo vệ tài sản của chung, góp phần xây dựng, bảo vệ và phát huy truyền thống của trường. Tuy nhiên cũng còn một số học sinh chưa tự giác thực hiện các nhiệm vụ theo quy định [H6-2.4-01]; [H4-1.1-05].

c) Học sinh của trường được đảm bảo các quyền theo quy định: được tạo điều kiện để học tập, rèn luyện ở lớp, được cung cấp thông tin học tập, sử dụng trang thiết bị, phương tiện phục vụ các hoạt động học tập, văn hoá, thể thao của nhà trường; được bồi dưỡng năng khiếu về các môn học, thể thao, nghệ thuật và giáo dục kỹ năng sống [H6-2.4-02].

Mức 2:

Nhà trường phát hiện kịp thời học sinh vi phạm các hành vi không được làm. Có biện pháp giáo dục và xử lý vi phạm rõ ràng, phù hợp. Học sinh sau vi phạm đã chuyển biến tích cực về rèn luyện đạo đức [H6-1.6-08].

Mức 3:

Học sinh của trường đạt nhiều thành tích cao trong các kỳ thi học sinh giỏi về văn hóa, STEM, thể dục thể thao đã tác động tích cực đến các hoạt động của lớp và nhà trường [H6-2.4-03].

**2. Điểm mạnh**

Học sinh nhà trường có ý thức chấp hành nội quy nhà trường khá tốt.

Học sinh của trường đạt nhiều thành tích cao trong các kỳ thi văn hóa và thể thao.

**3. Điểm yếu**

Một số học sinh chưa tự giác thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm học 2019 – 2020, Hiệu trưởng tiếp tục chỉ đạo giáo viên chủ nhiệm, giáo viên bộ môn cũng như nhân viên phối hợp giáo dục học sinh tự giác thực hiện tốt nội quy trường lớp; kịp thời tuyên dương, khen thưởng học sinh để nhân rộng điển hình.

Giáo viên chủ nhiệm thường xuyên quan tâm, tìm hiểu, phối hợp với gia đình những học sinh chưa chăm ngoan để giáo dục các em tốt hơn*.*

**5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 3

**Kết luận** **về Tiêu chuẩn 2**

**1. Điểm mạnh nổi bật**

Lãnh đạo của trường đều đạt trình độ chuẩn và trên chuẩn, có tầm nhìn, năng động, nhiệt tình và trách nhiệm cao trong công tác.

Đội ngũ giáo viên và nhân viên có trình độ chuyên môn đảm bảo theo quy định về trình độ và năng lực; không có cán bộ giáo viên nhân viên nào vi phạm pháp luật và quy định về đạo đức nhà giáo.

Đa số học sinh đều có ý thức chấp hành tốt nội quy nhà trường và điều lệ trường trung học.

**2. Điểm yếu cơ bản**

Lực lượng giáo viên và nhân viên chưa hoạt động đều tay. Nhân sự biến đổi liên tục do giáo viên nghỉ hưu, giáo viên trẻ chưa có kinh nghiệm, giáo viên trong độ tuổi thai sản chiếm tỉ lệ cao.

Một số học sinh chưa tự giác trong học tập và rèn luyện, chưa chấp hành tốt nội quy, quy định của nhà trường.

**3. Tự đánh giá tiêu chuẩn 2**

- Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 04/04 (trong đó mức 1 đạt 04/04; mức 2 đạt 03/04; mức 3 đạt 01/04).

- Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00.

**Tiêu chuẩn** **3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học**

**Mở đầu**

Trường trung học phổ thông được đầu tư cơ sở vật chất, thư viện, trang thiết bị dạy học đầy đủ giúp giáo viên thực hiện hoạt động dạy học hiệu quả và đáp ứng yêu cầu tổ chức dạy học 2 buổi/ngày.

Khuôn viên trường luôn đảm bảo xanh, sạch, đẹp, an toàn và có khu sân chơi giúp học sinh rèn luyện sức khoẻ và vui chơi thư giãn sau những giờ học căng thẳng.

**Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, khu sân chơi, bãi tập**

Mức 1:

*a) Khuôn viên bảo đảm xanh, sạch, đẹp, an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục;*

*b) Có cổng trường, biển tên trường và tường hoặc hàng rào bao quanh;*

*c) Khu sân chơi, bãi tập có đủ thiết bị tối thiểu, đảm bảo an toàn để luyện tập thể dục, thể thao và các hoạt động giáo dục của nhà trường.*

Mức 2:

*Khu sân chơi, bãi tập đáp ứng yêu cầu tổ chức các hoạt động giáo dục.*

Mức 3:

*Các trường nội thành, nội thị có diện tích ít nhất 6m2/học sinh; các trường khu vực nông thôn có diện tích ít nhất 10m2/học sinh; đối với trường trung học được thành lập sau năm 2001 đảm bảo có diện tích mặt bằng theo quy định, khu sân chơi, bãi tập có diện tích ít nhất bằng 25% tổng diện tích sử dụng của trường.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Nhà trường có tổng diện tích 6500 m2, với diện tích sân là 1300 m2. Các khu chức năng được bố trí một cách khoa học. Trong khuôn viên của trường có lối đi bộ, sân chơi, bãi tập thể dục và nhiều cây xanh, cây cảnh, hòn non bộ phủ xanh khoảng 1820 m2 được sắp xếp tương đối thông thoáng, tọa lạc ở góc đường và ngay trung tâm Quận , đảm bảo an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục [H1-3.1-01]; [H7-3.1-02]; [H7-1.6-07].

b) Trường có cổng trường chắc chắn, biển tên trường đẹp, rõ ràng thu hút tầm nhìn của mọi người; có tường rào bao quanh an toàn cách biệt khỏi không gian ồn ào của đời sống bên ngoài [H7-3.1-02].

c) Trường có sân chơi an toàn, bao quanh là những dãy phòng với cây cảnh, hồ cá và các ghế đá cho học sinh thư giãn vào giờ chơi, sân tập có dụng cụ để luyện tập thể dục, thể thao đảm bảo, an toàn [H7-3.1-02].

Mức 2:

Khu sân chơi nằm giữa khuôn viên trường, diện tích tuy không rộng nhưng đủ để có thể đáp ứng yêu cầu tổ chức các hoạt động giáo dục tập thể của trường, các lễ hội, các buổi sinh hoạt chuyên đề, các hoạt động ngoài giờ lên lớp [H7-3.1-02].

Khu bãi tập rèn luyện thể chất nâng cao sức khỏe cho học sinh tốt: có 01 sân bóng rổ, 01 sân bóng chuyền và có vị trí tập bóng bàn riêng [H7-3.1-02].

Mức 3:

Với tổng diện tích 6500m2 cho hơn 2000 học sinh nên diện tích chưa đáp ứng yêu cầu theo quy định [H1-3.1-01].

**2. Điểm mạnh**

Trường có khuôn viên tương đối thông thoáng, xanh, sạch, đẹp, có cổng trường chắc chắn, biển tên trường đẹp, rõ ràng thu hút tầm nhìn của mọi người; có tường rào bao quanh đảm bảo an toàn.

Hằng năm, nhà trường đều có kế hoạch cải tạo và nâng cấp cảnh quan môi trường từ nguồn kinh phí có được qua công tác xã hội hóa, tạo cho học sinh môi trường học tập, sinh hoạt thân thiện, lành mạnh.

**3**. **Điểm yếu**

Diện tích chưa đáp ứng yêu cầu theo quy định.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm học 2020 – 2021, Hiệu trưởng chỉ đạo tiếp tục cải tạo và nâng cấp cảnh quan nhà trường; sắp xếp các khu vực hành lang, hội trường, sân thể dục thể thao trong thời gian chưa mở rộng được diện tích trường lớp để học sinh có sân chơi trong giờ giải lao.

**5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 2

**Tiêu chí 3.2: Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập**

Mức 1:

*a) Phòng học có đủ bàn ghế phù hợp với tầm vóc học sinh, có bàn ghế của giáo viên, có bảng viết, đủ điều kiện về ánh sáng, thoáng mát; đảm bảo học nhiều nhất là hai ca trong một ngày;*

*b) Có đủ phòng học bộ môn theo quy định;*

*c) Có phòng hoạt động Đoàn - Đội, thư viện và phòng truyền thống.*

Mức 2:

*a) Phòng học, phòng học bộ môn được xây dựng đạt tiêu chuẩn theo quy định, đảm bảo điều kiện thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập;*

*b) Khối phục vụ học tập, đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường và theo quy định.*

Mức 3:

*Các phòng học, phòng học bộ môn có đủ các thiết bị dạy học theo quy định. Có phòng để tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh hoàn cảnh đặc biệt (nếu có).*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Trường có 55 phòng học với diện tích mỗi phòng là 54m2, được bố trí, sắp xếp đầy đủ bàn ghế phù hợp với tầm vóc học sinh. Phòng học đủ cửa, ánh sáng, thoáng mát, đảm bảo trang thiết bị phù hợp học hai ca trong một ngày với các đối tượng học sinh, có bàn ghế của giáo viên, có bảng viết đúng quy định [H7-3.2-01]; [H1-3.2-03].

b) Trường có 06 phòng học bộ môn được trang bị đầy đủ các bảng thông minh, các trang thiết bị hiện đại, phù hợp giúp học sinh có điều kiện học tập tốt nhất [H7-3.2-01]; [H7-3.2-02].

c) Trường có 01 phòng hoạt động Đoàn – Đội được trang bị đầy đủ thiết bị. Tổ chức, điều hành tốt các sinh hoạt Đoàn – Đội, 01 thư viện khang trang với các kệ sách giáo khoa, sách nghiên cứu cũng như các loại sách vở, báo chí, tranh ảnh tư liệu, truyện phục vụ nhu cầu học tập, nghiên cứu và thư giãn của học sinh được sắp xếp ngăn nắp, gọn gàng, khoa học và 01 phòng truyền thống đầy đủ hình ảnh tư liệu về thành tích hoạt động của trường từ ngày thành lập đến nay giúp học sinh hiểu biết về bề dày lịch sử của ngôi trường [H7-3.2-01].

Mức 2:

a) Phòng học, phòng học bộ môn đạt tiêu chuẩn theo quy định. Các phòng có thể đáp ứng yêu cầu hoạt động dạy và học, đảm bảo điều kiện thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập (hiện tại trường chỉ có học sinh khuyết tật về trí não). Đặc biệt trường đã có một phòng học 3D để giảng dạy các môn Lý, Hóa, Sinh, Địa, Công nghệ [H7-3.2-01].

b) Trường có đủ các khối phòng học với đầy đủ các loại trang thiết bị, máy móc đáp ứng đủ cho việc giảng dạy và học tập cũng như thực hành thí nghiệm theo quy định: 01 phòng nhạc, 05 phòng vi tính với trên 450 máy được nối mạng; 14 bảng thông minh; 21 máy chiếu, 23 máy cassette, 21 tivi và 20 máy tính nối mạng internet đặt tại các phòng ban; một hệ thống cáp quang và Wireless đến tận các lớp học, có 03 phòng thí nghiệm Lý, Hóa, Sinh với đầy đủ trang thiết bị phục vụ cho việc dạy và học [H7-3.2-02].

Mức 3:

Các phòng học, phòng học bộ môn có đủ các thiết bị dạy học theo quy định. Chưa có bố trí phòng chuyên biệt để tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh hoàn cảnh đặc biệt.

**2. Điểm mạnh**

Trường có đủ các khối phòng phục vụ tốt cho hoạt động giáo dục, trang bị đầy đủ các thiết bị phục vụ cho việc dạy và học.

**3**. **Điểm yếu**

Chưa có bố trí phòng chuyên biệt để tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh hoàn cảnh đặc biệt.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm học 2020 – 2021, Hiệu trưởng chỉ đạo xem xét, bố trí 01 phòng phòng chuyên biệt để tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh hoàn cảnh đặc biệt. Những năm học tiếp theo sẽ giảm chỉ tiêu tuyển sinh để có thêm các phòng đảm bảo tổ chức tốt các hoạt động giáo dục.

**5. Tự đánh giá**: Đạt Mức 2

**Tiêu chí 3.3: Khối phòng hành chính - quản trị**

Mức 1:

*a) Đáp ứng yêu cầu tối thiểu các hoạt động hành chính, quản trị của nhà trường;*

*b) Khu để xe được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn trật tự;*

*c) Định kỳ sửa chữa, bổ sung các thiết bị khối hành chính - quản trị.*

Mức 2:

*Khối hành chính - quản trị theo quy định; khu bếp, nhà ăn, nhà nghỉ phải đảm bảo điều kiện sức khỏe, an toàn, vệ sinh cho giáo viên, nhân viên và học sinh.*

Mức 3:

*Khối hành chính - quản trị có đầy đủ các thiết bị được sắp xếp hợp lý, khoa học và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động nhà trường.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Khối phòng hành chính – quản trị bao gồm 12 phòng: phòng Hiệu trưởng, phòng Phó hiệu trưởng, phòng giáo viên, phòng giáo vụ, phòng tài vụ, 02 phòng giám thị, phòng tham vấn học đường, phòng y tế với trang thiết bị y tế tối thiểu (04 giường bệnh, trang thiết bị sơ cấp cứu, tủ thuốc với các loại thuốc thiết yếu), phòng bảo vệ, phòng nghỉ dành cho giáo viên [H7-3.3-02].

b) Trường có 01 tầng hầm để xe dành cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và 02 nhà xe dành cho học sinh, phụ huynh học sinh và khách đến liên hệ công tác được bố trí riêng biệt hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự [H1-3.2-03]; [H7-3.3-02].

c) Định kỳ hằng năm vào thời điểm nghỉ hè, trường đã chủ động sơn sửa theo lộ trình, nâng cấp, làm mới phòng hội trường, phòng giáo viên, phòng truyền thống, phòng tài vụ, phòng bảo vệ, phòng tiếp dân [H1-3.3-01].

Mức 2:

Phòng Hiệu trưởng, phòng phó hiệu trưởng, phòng giáo vụ, phòng giám thị, phòng y tế, phòng bảo vệ, phòng nhân viên được thiết kế và trang bị theo quy định; khu bếp, nhà ăn riêng biệt, nhà nghỉ giáo viên nữ đảm bảo điều kiện về sức khỏe, an toàn [H7-3.3-02]; [H10-3.3-03].

Mức 3:

Tất cả các máy tính đều được kết nối mạng Internet để thuận lợi cho việc xử lý và tìm kiếm thông tin. Sử dụng các phần mềm phục vụ tốt cho quản lý và quản trị thuộc các lĩnh vực như tài chính, chất lượng học sinh, thời khóa biểu [H7-1.6-07].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường luôn quan tâm đến việc đầu tư cơ sở vật chất tốt nhất cho học sinh, giáo viên, nhân viên trong mọi hoạt động. Trường có các trang thiết bị văn phòng đầy đủ, phục vụ tốt cho công tác quản lý, công tác giáo vụ và công tác giảng dạy của giáo viên.

**3**. **Điểm yếu**

Phòng y tế còn hạn hẹp so với số lượng học sinh, giáo viên, nhân viên của trường.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm học 2020 – 2021, Hiệu trưởng chỉ đạo tiếp tục xây dựng kế hoạch sửa chữa, bảo trì các trang thiết bị khối phòng hành chánh quản trị để kịp thời đảm bảo hoạt động nhà trường được thông suốt, liên tục. Đồng thời, trong thời gian tới, trường sẽ nghiên cứu nâng cấp, nới rộng phòng y tế cũng như bố trí thêm một phòng nghỉ cho giáo viên và nhân viên nam.

**5. Tự đánh giá**: Đạt Mức 2

**Tiêu chí: 3.4 Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước**

Mức 1:

*a) Khu vệ sinh riêng cho nam, nữ, giáo viên, nhân viên, học sinh đảm bảo không ô nhiễm môi trường; khu vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập;*

*b) Có hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống cấp nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và học sinh;*

*c) Thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường.*

Mức 2:

*a) Khu vệ sinh đảm bảo thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo qui định;*

*b) Hệ thống cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ GDĐT và Bộ Y tế.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Trường có 10 khu nhà vệ sinh dành riêng cho nam, nữ cán bộ, giáo viên, nhân viên cũng như 10 khu nhà vệ sinh dành riêng cho nam, nữ học sinh với tổng số 100 nhà vệ sinh. Các khu vệ sinh đảm bảo an toàn, sạch sẽ, có đủ nước sạch, ánh sáng và không ô nhiễm môi trường, có nhân viên phục vụ làm vệ sinh hằng ngày. Có 04 phòng vệ sinh ở tầng trệt và tầng 01 dành cho học sinh khuyết tật hòa nhập [H10-3.4-01].

b) Trường đã hợp đồng việc cung cấp nước uống đóng chai có thương hiệu, đạt tiêu chuẩn; hệ thống thoát nước, thu gom rác bố trí khoa học, đảm bảo yêu cầu, tuân thủ quy định về vệ sinh môi trường; nhân viên phục vụ chăm chỉ, nhiệt tình, làm việc có trách nhiệm góp phần giữ gìn và bảo vệ trường luôn xanh – sạch – đẹp và an toàn [H10-3.4-01]; [H5-3.4-04].

c) Trường có bố trí nơi thu gom rác và xử lý chất thải tách biệt với các phòng học, đảm bảo vệ sinh môi trường [H1-3.4-02].

Mức 2:

a) Các khu vệ sinh được bố trí hợp lý, kết cấu hiện đại, sạch sẽ, mỗi tầng đều có 01 khu nhà vệ sinh cho nam và 01 khu cho nữ. Các khu vệ sinh đảm bảo an toàn, có đủ nước sạch, ánh sáng và không ô nhiễm môi trường, có nhân viên phục vụ làm vệ sinh hằng ngày [H1-3.2-03].

b) Hệ thống nước uống đã được kiểm nghiệm và cấp giấy phép của cơ quan có thẩm quyền. Hệ thống thoát nước được thiết kế ngầm đảm bảo, tốt cho cả khu vực của trường. Rác thải được hợp đồng với công ty môi trường về thu gom và chở đi xử lý. Hệ thống cấp nước sạch, thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế. Tuy nhiên việc phân loại rác chưa đạt yêu cầu theo quy định hiện nay [H10-3.4-01]; [H5-3.4-04].

**2. Điểm mạnh**

Nhà vệ sinh bố trí hợp lý, thuận tiện, sạch sẽ.

Có nguồn nước sạch đáp ứng nhu cầu sử dụng.

**3. Điểm yếu**

Việc phân loại rác chưa đạt yêu cầu theo quy định hiện nay.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2020 – 2021, Hiệu trưởng chỉ đạo tiếp tục tuyên truyền, phổ biến việc phân loại rác sinh hoạt nhằm tạo ý thức cho giáo viên, học sinh bỏ rác thải theo chủng loại để bảo vệ môi trường chung.

Vào đầu mỗi năm học, Hiệu trưởng chỉ đạo kiểm tra các khu vệ sinh, tu bổ, thay mới những bộ phận đã hư hỏng.

**5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 2

**Tiêu chí 3.5: Thiết bị**

Mức 1:

*a) Có đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường;*

*b) Có đủ thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu tối thiểu theo quy định;*

*c) Hằng năm các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa.*

Mức 2:

*a) Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học;*

*b) Có đủ thiết bị dạy học theo quy định;*

*c) Hằng năm, được bổ sung các thiết bị dạy học và thiết bị dạy học tự làm.*

Mức 3:

*Phòng thí nghiệm hoặc khu vực thực hành (nếu có) đủ thiết bị đảm bảo hoạt động thường xuyên và hiệu quả; thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm được khai thác, sử dụng hiệu quả đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Trường trang bị đầy đủ cơ sở vật chất, thiết bị văn phòng: máy vi tính, máy in, máy photocopy, máy scan, bàn ghế, tủ và các thiết bị khác phục vụ tốt các hoạt động của nhà trường [H7-3.5-01].

b) Nhà trường có đủ thiết bị dạy học tối thiểu theo Thông tư 19/2009/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Các thiết bị giáo dục và đồ dùng dạy học của trường được bảo quản tốt tại phòng thiết bị và phòng thí nghiệm thực hành [H7-3.5-01]; [H6-3.5-02].

c) Hằng năm, nhà trường đều thực hiện kiểm kê, sửa chữa, bổ sung đồ dùng và thiết bị dạy học nhằm phục vụ tốt cho công tác giảng dạy [H5-3.5-03].

Mức 2:

a) Trường có 05 phòng máy vi tính dành cho học sinh, các phòng ban cũng được trang bị máy tính đầy đủ. Tất cả máy vi tính kết nối mạng internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học. Tuy nhiên, hệ thống mạng internet chưa đủ mạnh để đáp ứng nhu cầu kết nối cho 05 phòng máy vi tính hoạt động cùng lúc [H6-3.5-04].

b) Nhà trường có đầy đủ thiết bị dạy học tối thiểu theo chương trình và hằng năm đều được bổ sung. Thiết bị dạy học, tranh ảnh, băng đĩa, phần mềm, đàn organ, dụng cụ thể thao như: cầu, vợt, đệm nhảy, giá đỡ, sào, bàn đạp, dây [H7-3.2-01].

c) Hằng năm các thiết bị dạy học của trường đều được kiểm kê, sửa chữa và bổ sung thêm. Giáo viên của trường còn tự làm đồ dùng dạy học để bổ sung nguồn đồ dùng dạy học. Tuy nhiên lượng đồ dùng dạy học giáo viên tự làm còn hạn chế [H7-3.5-05]; [H5-3.5-06].

Mức 3:

Phòng thí nghiệm của trường có đủ thiết bị đảm bảo hoạt động nhưng việc sử dụng chưa thường xuyên và hiệu quả chưa cao; thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm chưa được khai thác, sử dụng hiệu quả để đáp ứng yêu cầu đổi mới phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của trường [H7-3.5-01]; [H5-3.5-06].

**2. Điểm mạnh**

Trường có đủ trang thiết bị phục vụ cho việc dạy học và các hoạt động giáo dục. Các thiết bị được sửa chữa, bổ sung hằng năm. Đồ dùng dạy học được sắp xếp ngăn nắp, gọn gàng.

Nhà trường luôn quan tâm đầu tư, nâng cấp các trang thiết bị, đồ dùng dạy học cho các phòng chức năng.

**3. Điểm yếu**

Công tác tự làm đồ dùng dạy học của giáo viên còn hạn chế.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Đầu năm học 2020 – 2021, Hiệu trưởng chỉ đạo phát động phong trào tự làm đồ dùng dạy học và đưa vào tiêu chí thi đua.

Cuối mỗi năm học, phó hiệu trưởng phụ trách cơ sở vật chất cần rà soát, kiểm tra và lập kế hoạch sửa chữa, nâng cấp phòng thí nghiệm đảm bảo thông thoáng, sạch sẽ, thay mới bảng; sơn lại cánh cửa, tường, chân bàn; thanh lý những đồ dùng không còn sử dụng.

**5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 2

**Tiêu chí 3.6: Thư viện**

Mức 1:

*a) Được trang bị sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu phục vụ hoạt động nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của nhà trường;*

*b) Hoạt động của thư viện đáp ứng yêu cầu tối thiểu về nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh;*

*c) Hằng năm thư viện được kiểm kê, bổ sung sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo.*

Mức 2:

*Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học đạt chuẩn trở lên.*

Mức 3:

*Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học tiên tiến trở lên. Hệ thống máy tính của thư viện được kết nối Internet đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Thư viện có diện tích 168 m2, ở vị trí thuận tiện, thoáng mát, sạch, đẹp và được trang bị đầy đủ bàn ghế, tủ, kệ đựng các loại sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu phục vụ hoạt động nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của nhà trường [H7-3.6-01]; [H7-3.6-05].

b) Mỗi đầu năm học, nhân viên thư viện xây dựng kế hoạch hoạt động nhằm đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, dạy học của cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh. Thường xuyên cập nhật giới thiệu sách, hoạt động chuyên đề của thư viện trên bản tin của trường [H7-3.6-01]; [H7-3.6-05].

c) Cuối mỗi năm, thư viện đều tiến hành kiểm kê, thu hồi sách mượn của giáo viên và học sinh. Kiểm kê, thanh lý và đề xuất kinh phí mua sắm, bổ sung sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo cho năm học mới [H6-3.6-02].

Mức 2:

Thư viện của nhà trường được Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh công nhận đạt tiêu chuẩn thư viện nhiều năm liền [H7-3.6-03].

Mức 3:

Thư viện được xếp loại tiên tiến từ năm học 2015 – 2016 theo quyết định của Sở giáo dục đào tạo. Riêng năm học 2018 – 2019, thư viện nhà trường được công nhận xuất sắc. Tuy nhiên, số lượng máy tính được kết nối internet chưa nhiều và trường chưa trang bị được phần mềm thư viện để giáo viên, nhân viên, học sinh tìm kiếm nhanh sách tham khảo theo nội dung cần tra cứu [H7-3.6-03].

**2. Điểm mạnh**

Thư viện có đầy đủ các loại sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, giảng dạy và các hoạt động khác của trường.

Thư viện trường có vị trí thuận lợi, hỗ trợ tích cực các hoạt động chuyên môn, phối hợp tốt với các tổ chuyên môn và bộ phận học vụ.

**3. Điểm yếu**

Số lượng máy tính được kết nối internet chưa nhiều và trường chưa trang bị được phần mềm thư viện để giáo viên, nhân viên, học sinh tìm kiếm nhanh sách tham khảo theo nội dung cần tra cứu.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2020 – 2021, Hiệu trưởng chỉ đạo tiếp tục đầu tư kinh phí để bổ sung thêm các đầu sách để đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, dạy học của cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh; bố trí thêm máy tính kết nối internet và trang bị phần mềm thư viện để đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh.

**5. Tự đánh giá**: Đạt Mức 2

**Kết luận** **về Tiêu chuẩn 3**

**1. Điểm mạnh nổi bật**

**-** Với định hướng ‘Sạch như bệnh viện, đẹp như công viên’ của trường. Đội ngũ giáo viên, nhân viên và học sinh đều có ý thức giữ gìn và bảo vệ môi trường nên khuôn viên trường luôn xanh, sạch, đẹp, an toàn.

- Cơ sở vật chất trang bị tốt, sữa chữa kịp thời và cải tạo nâng cấp phù hợp cho việc dạy học và công tác quản lý của nhà trường.

**2. Điểm yếu cơ bản**

Mặt bằng nhà trường có diện tích rất khiêm tốn, không thể có được một sân chơi, khu luyện tập thể thao theo tiêu chuẩn. Điều này gây nhiều hạn chế cho các hoạt động của trường.

Các phòng học tầng trệt còn bị ảnh hưởng tiếng ồn các tuyến giao thông xung quanh khuôn viên trường.

**3. Tự đánh giá tiêu chuẩn 3**

- Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 06/06 (trong đó, mức 1 đạt 06/06; mức 2 đạt 06/06; mức 3 đạt 00/05).

- Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00.

**Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội**

**Mở đầu**

Trường trung học phổ thông đã phối hợp chặt chẽ với gia đình và xã hội trong việc giáo dục học sinh. Ban đại diện Cha mẹ học sinh có trách nhiệm, hoạt động theo quy định. Trong mỗi năm học nhà trường luôn tạo điều kiện, phối hợp nâng cao vai trò của Ban đại diện Cha mẹ học sinh, hoàn thành tốt các nội dung theo Nghị quyết đã đề ra từ đầu năm học. Đồng thời, trường tổ chức họp cha mẹ học sinh và Ban đại diện cha mẹ học sinh ít nhất 3 lần trong một năm học để lắng nghe những ý kiến, đóng góp của phụ huynh về hoạt động của trường cũng như thảo luận các vấn đề có liên quan nhằm thực hiện thắng lợi nhiệm vụ từng năm học.

Nhà trường cũng thường xuyên tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức cá nhân trong chiến lược phát triển theo đúng định hướng phát triển của ngành và địa phương.

**Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh**

Mức 1:

*a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh;*

*b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học;*

*c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.*

Mức 2:

*Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh; huy động học sinh đến trường, vận động học sinh đã bỏ học trở lại lớp.*

Mức 3:

*Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Hằng năm, Đại hội cha mẹ học sinh đã bầu ra Ban đại diện cha mẹ học sinh của trường và hoạt động, thực hiện nhiệm vụ theo Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh tại Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22 ngày 11 năm 2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo [H1-4.1-01]; [H6-4.1-07].

b) Ban đại diện cha mẹ học sinh có kế hoạch hoạt động, bàn bạc, thảo luận và thống nhất thành Nghị quyết trong Đại hội cha mẹ học sinh [H1-4.1-02].

c) Trường tổ chức họp cha mẹ học sinh các lớp định kỳ 03 lần trong năm học: vào đầu năm học, cuối học kỳ 1, cuối học kỳ 2. Riêng Ban đại diện cha mẹ học sinh sẽ họp định kỳ hoặc đột xuất để thống nhất công việc và kiểm điểm việc thực hiện Nghị quyết Đại hội cha mẹ học sinh [H6-4.1-04].

Mức 2:

Ban đại diện cha mẹ học sinh phối hợp với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục đạt hiệu quả [H1-4.1-03].

Mức 3:

Ban đại diện cha mẹ học sinh phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh, luôn quan tâm đến chất lượng giáo dục và tích cực phối hợp, hỗ trợ nhà trường trong mọi hoạt động. Đặc biệt quan tâm chăm lo cho các học sinh có hoàn cảnh khó khăn đủ điều kiện đến trường: cấp học bổng, hỗ trợ mua bảo hiểm y tế, tặng quà “Xuân yêu thương” cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn vui xuân… Tuy nhiên, năng lực điều hành của Ban đại diện cha mẹ học sinh ở một số lớp chưa đồng đều [H6-4.1-06]; [H1-4.1-08]; [H4-1.1-05].

**2. Điểm mạnh**

Ban đại diện cha mẹ học sinh đã làm tốt công tác tuyên truyền sự nghiệp xã hội hóa giáo dục trong nhà trường đã vận động được sự hỗ trợ tốt cho nhà trường cả vật chất lẫn tinh thần trong rất nhiều hoạt động.

**3. Điểm yếu**

Năng lực điều hành của Ban đại diện cha mẹ học sinh ở một số lớp chưa đồng đều.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm học 2020 – 2021, trước cuộc họp phụ huynh học sinh đầu năm, Hiệu trưởng yêu cầu giáo viên chủ nhiệm các lớp lựa chọn những người có năng lực điều hành tốt, nhiệt tình, có điều kiện để tham gia vào Ban đại diện cha mẹ học sinh.

**5. Tự đánh giá**: Đạt Mức 2

**Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường**

Mức 1:

*a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;*

*b) Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục; về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường;*

*c) Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.*

Mức 2:

*a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển;*

*b) Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao và các nội dung giáo dục khác cho học sinh; chăm sóc di tích lịch sử, cách mạng, công trình văn hóa; chăm sóc gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng, Bà mẹ Việt Nam anh hùng ở địa phương.*

Mức 3:

*Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Lãnh đạo trường đã tham mưu tốt với cấp ủy đảng và chính quyền địa phương trong việc thực hiện kế hoạch giáo dục, hỗ trợ nhà trường trong việc đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học [H1-4.2-01].

b) Nhà trường tổ chức tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, Ngành Giáo dục, về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục bằng nhiều hình thức khác nhau (qua các buổi học tập chính trị hè, học tập nghị quyết Trung Ương Đảng, Đảng Bộ thành phố, qua các phương tiện truyền thông) [H2-4.2-02].

c) Nhà trường huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp từ các mạnh thường quân trong các hoạt động: khen thưởng học sinh giỏi, học sinh có thành tích xuất sắc và hỗ trợ học sinh có hoàn cảnh khó khăn, hỗ trợ các hoạt động đoàn thể, trang bị thêm phương tiện thiết bị dạy học [H1-4.1-08]; [H7-1.6-07].

Mức 2:

a) Nhà trường liên tục chủ động tham mưu, trực tiếp đóng góp ý kiến trong các cuộc họp với cấp ủy đảng, chính quyền địa phương để tạo điều kiện cho trường từng bước thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Nhờ đó, chất lượng giáo dục toàn diện đã từng bước đi lên. Cơ sở vật chất, điều kiện và môi trường làm việc không ngừng được tốt hơn [H1-4.2-01].

b) Trường phối hợp tốt với các đoàn thể như Công đoàn, Chi đoàn giáo viên, đoàn thanh niên tổ chức chương trình “Trăng yêu thương” cho các em thiếu nhi trên địa bàn phường ; phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức hội thi “Học sinh, sinh viên thành phố với pháp luật”, với Sở Văn hóa – Thể thao – Du lịch thực hiện chương trình truyền cảm hứng về Áo dài cho học sinh, sinh viên thành phố, Trung tâm CNTT truyền thông với chương trình “Suy nghĩ trước khi chia sẻ” về sử dụng mạng xã hội thông minh và an toàn; hàng năm các chi đoàn, chi đội có kế hoạch đến các di tích lịch sử cách mạng, công trình văn hóa ở địa phương và đến thăm Bà mẹ Việt Nam anh hùng ở địa bàn Quận . Tuy nhiên, công tác này chỉ dừng lại hoạt động tham quan, học tập [H6-4.2-03]; [H2-4.2-04]; [H4-1.2-09].

Mức 3:

Nhà trường chưa tham mưu tốt với cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân trong việc xây dựng trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương [H2-4.2-04].

**2. Điểm mạnh**

Công tác tham mưu của nhà trường thu được nhiều kết quả tích cực. Hội khuyến học, các tổ chức, cá nhân thường xuyên quan tâm đến hoạt động của trường.

**3. Điểm yếu**

Nhà trường chưa tham mưu tốt với cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân trong việc xây dựng trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm học 2020 – 2021, Hiệu trưởng chú trọng công tác tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân trong việc xây dựng trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

**5. Tự đánh giá**: Đạt Mức 1

**Kết luận** **về Tiêu chuẩn 4:**

**1. Điểm mạnh nổi bật**

- Ban đại diện cha mẹ học sinh đã phối hợp tốt với nhà trường trong công tác tuyên truyền sự nghiệp xã hội hóa giáo dục. Luôn đồng hành cùng nhà trường trong tất cả các hoạt động theo định hướng giáo dục phát triển toàn diện trong và ngoài trường.

- Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hoá, đạo đức lối sống, pháp luật, thể dục thể thao và các nội dung khác cho học sinh; giữ gìn công trình kiến trúc nghệ thuật của thành phố, chăm sóc gia đình có công với cách mạng ở địa phương.

**2. Điểm yếu cơ bản**

Chưa tạo điều kiện cho cộng đồng, địa phương tham gia công tác tuyên truyền về mục tiêu và kế hoạch giáo dục của nhà trường.

Chưa nhận chăm sóc gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng, Bà mẹ Việt Nam anh hùng ở địa phương.

**3. Tự đánh giá tiêu chuẩn 4**

- Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 02/02 (trong đó mức 1 đạt 02/02; mức 2 đạt 01/02; mức 3 đạt 00/02).

- Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00.

**Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục**

**Mở đầu**

Căn cứ vào kế hoạch, nhiệm vụ năm học theo quy định và hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh, Trường trung học phổ thông tổ chức đầy đủ các hoạt động giáo dục theo chương trình và kế hoạch của ngành. Hoạt động đổi mới phương pháp giảng dạy và học tập, kiểm tra đánh giá được đẩy mạnh nhằm nâng cao chất lượng giáo dục. Đặc biệt là các hoạt động học tập trải nghiệm trong và ngoài nhà trường. Việc bồi dưỡng học sinh giỏi và phụ đạo học sinh yếu kém được quan tâm đúng mức.

Bên cạnh các hoạt động dạy và học, trường luôn chú trọng công tác rèn luyện đạo đức, giáo dục kỹ năng sống cho học sinh, tạo môi trường học tập tích cực, thân thiện thông qua các hoạt động ngoại khoá, trải nghiệm nhằm giáo dục học sinh phát triển toàn diện.

**Tiêu chí 5.1: Thực hiện chương trình giáo dục phổ thông**

Mức 1:

*a) Tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục đảm bảo mục tiêu giáo dục;*

*b) Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học, tổ chức hoạt động dạy học đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường; bồi dưỡng phương pháp tự học, nâng cao khả năng làm việc theo nhóm và rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn;*

*c) Các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh đa dạng đảm bảo khách quan và hiệu quả.*

Mức 2:

*a) Thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục; lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp,hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của học sinh;*

*b) Phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong việc học tập, rèn luyện.*

Mức 3:

*Hằng năm, rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học giáo viên, học sinh.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Hằng năm, căn cứ vào kế hoạch công tác giáo dục của các cấp, nhà trường xây dựng kế hoạch giáo dục với nội dung dạy học đủ các môn theo quy định và các hoạt động giáo dục như hoạt động ngoài giờ lên lớp, hoạt động chuyên đề, trải nghiệm, hoạt động ngoài không gian lớp học đảm bảo mục tiêu giáo dục toàn diện cho học sinh [H1-1.7-04]; [H2-5.1-02].

b) Tất cả giáo viên luôn thực hiện đổi mới phương pháp dạy học, áp dụng các phương pháp dạy học tích cực như dạy học theo nhóm, dạy học theo dự án, dạy học tích hợp liên môn, phương pháp giáo dục STEM vào bài giảng với sự hỗ trợ của công nghệ thông tin và dựa theo chuẩn kiến thức kỹ năng. Ngoài ra, trường còn khuyến khích học sinh tham gia các cuộc thi nhằm phát huy tính chủ động sáng tạo của học sinh, đồng thời giúp học sinh biết vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn [H8-1.4-04]; [H2-5.1-01]; [H2-5.1-03].

c) Nhà trường xây dựng các kế hoạch về đổi mới hình thức, nội dung kiểm tra, đánh giá học sinh đảm bảo khách quan và hiệu quả, từ đó các tổ chuyên môn triển khai đến giáo viên để xây dựng nội dung đánh giá học sinh phù hợp [H2-5.1-04].

Mức 2:

a) Nhà trường thực hiện đúng chương trình kế hoạch giáo dục; lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu khả năng nhận thức của học sinh [H8-1.4-04].

b) Kịp thời phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu đạt nhiều giải cao trong các kì thi; phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện [H2-5.1-03]; [H2-5.1-05].

Mức 3:

Hằng năm, trường chủ động sự rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh. Từ đó có chỉ đạo thực hiện điều chỉnh, bổ sung và cải tiến cho phù hợp [H4-1.2-09]; [H4-1.1-05].

**2. Điểm mạnh**

Các kế hoạch của nhà trường được xây dựng khoa học. Các tổ chuyên môn thực hiện đúng theo thời gian, tiến độ trong kế hoạch.

**3. Điểm yếu**

Công tác rà soát, đánh giá việc thực hiện kế hoạch năm học, kế hoạch giảng dạy và học tập tại tổ chuyên môn chưa thể hiện rõ trong sinh hoạt tổ chuyên môn, trong các biên bản họp tổ chuyên môn.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm học 2020 – 2021, Hiệu trưởng chỉ đạo tiếp tục duy trì kiểm tra việc thực hiện chương trình giảng dạy ở các tổ chuyên môn, kết hợp với kiểm tra sổ họp của các tổ chuyên môn để kịp thời hướng dẫn cách viết biên bản cho đầy đủ nội dung.

**5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 2

**Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện**

Mức 1:

*a) Có kế hoạch giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện;*

*b) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện;*

*c) Hằng năm rà soát, đánh giá các hoạt động giáo dục học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh khó khăn trong học tập và rèn luyện.*

Mức 2:

*Học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện đáp ứng được mục tiêu giáo dục theo kế hoạch giáo dục.*

Mức 3:

*Nhà trường có học sinh năng khiếu về các môn học, thể thao, nghệ thuật được cấp có thẩm quyền ghi nhận.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Từ đầu năm học, trường đã xây dựng đầy đủ các kế hoạch và triển khai thực hiện có hiệu quả. Kế hoạch hỗ trợ học sinh có hoàn cảnh khó khăn, phụ đạo học sinh yếu. Kế hoạch bồi dưỡng học sinh giỏi, học sinh có năng khiếu về thể dục thể thao, mỹ thuật, nghệ thuật, kế hoạch hoạt động câu lạc bộ [H1-5.2-01].

b) Để hỗ trợ học sinh có hoàn cảnh khó khăn, ngay tư đầu năm trường phát động phong trào “Nuôi heo đất cùng bạn đến trường”; để bồi dưỡng học sinh giỏi nhà trường tổ chức kỳ thi chọn đội tuyển vào cuối năm học trước để tuyển chọn và lên kế hoạch bồi dưỡng từ trong hè; để giúp học sinh chưa giỏi trong học tập, giáo viên bộ môn lập danh sách đề xuất để trường tổ chức các lớp phụ đạo giúp các em lấy lại kiến thức; để tạo điều kiện cho học sinh phát huy năng khiếu sở trường, trường thành lập hơn 12 câu lạc bộ về học thuật, năng khiếu [H2-5.1-03].

c) Sau mỗi học kỳ, nhà trường rà soát hoạt động bồi dưỡng học sinh giỏi và phụ đạo học sinh yếu. Khen thưởng kịp thời các em học sinh đạt thành tích cao trong các kỳ thi cấp quận, thành phố và các em học sinh có ý thức vươn lên, tiến bộ trong học tập [H2-5.1-03]; [H2-5.2-03].

Mức 2:

Học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện đáp ứng được mục tiêu giáo dục theo kế hoạch giáo dục. Học sinh có hoàn cảnh khó khăn trong học tập thường mất căn bản, khả năng tiếp thu chậm, thiếu tự tin, thụ động trong học tập [H4-1.1-05].

Mức 3:

Nhà trường có học sinh năng khiếu về các môn học, thể thao, nghệ thuật được cấp có thẩm quyền ghi nhận [H2-5.1-05]; [H2-5.2-03].

**2. Điểm mạnh**

Chú trọng công tác bồi dưỡng, nâng cao kiến thức cho từng học sinh, có kế hoạch tổ chức phụ đạo những học sinh yếu để các em vươn lên; phát hiện và giúp đỡ kịp thời học sinh có khó khăn trong học tập và rèn luyện hoặc có những biểu hiện sa sút giúp các em lấy lại kiến thức.

Bồi dưỡng, đào tạo các em có năng khiếu theo sở thích; phát triển toàn diện và phát huy tốt nhất tiềm năng, khả năng sáng tạo của mỗi học sinh, hướng các em đến các giá trị đạo đức: yêu gia đình, yêu Tổ quốc, yêu đồng bào, sống tốt và làm việc hiệu quả.

**3. Điểm yếu**

Học sinh có hoàn cảnh khó khăn trong học tập thường bị mất căn bản, khả năng tiếp thu chậm, thiếu tự tin, thụ động trong học tập.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm học 2020 – 2021, Hiệu trưởng chỉ đạo giáo viên chủ nhiệm tổ chức các buổi giao lưu giữa các em có hoàn cảnh khó khăn và các em có điều kiện, học tập khá giỏi giúp các em tự tin hơn trong học tập và các hoạt động của trường.

Giáo viên bộ môn tìm tòi các phương pháp giảng dạy dễ hiểu, lồng ghép các bài học, các mẫu bài tập, công thức vào trong các mẩu chuyện, các bài học cuộc sống đời thường tạo cho các em sự hứng thú trong quá trình lĩnh hội kiến thức.

**5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 1

**Tiêu chí 5.3: Thực hiện nội dung giáo dục địa phương theo quy định**

Mức 1:

*a) Nội dung giáo dục địa phương cho học sinh được thực hiện theo kế hoạch;*

*b) Các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh về nội dung giáo dục địa phương đảm bảo khách quan và hiệu quả;*

*c) Hằng năm, rà soát, đánh giá, cập nhật tài liệu, đề xuất điều chỉnh nội dung giáo dục địa phương.*

Mức 2:

*Nội dung giáo dục địa phương phù hợp với mục tiêu môn học và gắn lý luận với thực tiễn.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Trường chỉ đạo các tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch năm học có nội dung giáo dục địa phương theo quy định. Nội dung giáo dục địa phương đã được giáo viên xây dựng kế hoạch thực hiện lồng ghép trong các môn học như Địa lý, Lịch sử, Ngữ văn, Giáo dục công dân [H2-5.3-01].

b) Kế hoạch kiểm tra, đánh giá được triển khai ngay từ đầu năm học và thực hiện thường xuyên đã dần đảm bảo được tính khách quan và hiệu quả [H2-5.3-01].

c) Việc rà soát, đánh giá, cập nhật tài liệu, đề xuất điều chỉnh nội dung giáo dục địa phương cũng được thực hiện hàng năm [H2-5.3-02].

Mức 2:

Trường thực hiện nội dung giáo dục địa phương đáp ứng với mục tiêu của từng môn học và phù hợp với thực tiễn. Do vậy, nội dung giáo dục địa phương ngày càng gắn liền giữa lý luận với thực tiễn thông qua các hoạt động “người thật - việc thật” cụ thể: buổi tham quan bảo tàng, khu di tích lịch sử, các cuộc gặp gỡ - giao lưu, tập huấn của các chuyên gia, chứng nhân lịch sử, hoạt động ngoại khóa. Tuy nhiên việc dạy học thực địa, tổ chức ngoại khóa tìm hiểu địa phương còn hạn chế về kinh phí [H4-1.4-05]; [H2-5.3-02]; [H8-5.3-03].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường thực hiện đầy đủ nội dung giáo dục địa phương cho học sinh.

Hình thức tổ chức nội dung giáo dục địa phương các tổ chuyên môn trong nhà trường phong phú và đa dạng mang nhiều màu sắc riêng biệt.

Thực hiện đổi mới phương pháp giảng dạy các nội dung giáo dục địa phương theo hướng tích cực.

**3. Điểm yếu**

Việc dạy học thực địa, tổ chức ngoại khóa tìm hiểu địa phương còn hạn chế về kinh phí.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm học 2020 – 2021, Hiệu trưởng chỉ đạo tăng cường đầu tư các hình thức tổ chức mời các nhân chứng lịch sử, các nhân vật lịch sử, khách mời danh dự, các chuyên gia đến nói chuyện, giao lưu và chia sẻ các vấn đề liên quan vào các buổi sinh hoạt truyền thống, sinh hoạt chuyên đề dưới cờ, kỷ niệm các ngày lễ lớn.

Lập kế hoạch tổ chức, đầu tư cho công tác xã hội hóa giáo dục nhằm tạo nguồn kinh phí hỗ trợ cho công tác giáo dục địa phương đi vào chiều sâu.

**5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 2

**Tiêu chí 5.4: Các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp**

Mức 1:

*a) Có kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo quy định và phù hợp với điều kiện của nhà trường;*

*b) Tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo kế hoạch;*

*c) Phân công, huy động giáo viên, nhân viên trong nhà trường tham gia các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.*

Mức 2:

*a) Tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp với các hình thức phong phú phù hợp học sinh và đạt kết quả thiết thực;*

*b) Định kì rà soát, đánh giá kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Trường xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm riêng cho từng khối lớp từ đầu năm học. Kế hoạch hướng nghiệp được xây dựng theo quy định, phù hợp với điều kiện và trình độ của học sinh [H1-5.4-04]; [H1-5.4-02].

b) Các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp được tổ chức theo kế hoạch, đảm bảo thời gian và nội dung hoạt động [H1-5.4-02]; [H1-5.4-03]; [H1-5.4-04].

c) Các hoạt động hướng nghiệp, trải nghiệm tích hợp được tổ chức theo khối lớp. Trường đã huy động giáo viên chủ nhiệm tất cả các lớp, giáo viên bộ môn trong chương trình học tập trải nghiệm và lực lượng đoàn viên chi đoàn giáo viên tham gia cùng học sinh [H1-5.4-02]; [H1-5.4-03]; [H1-5.4-04].

Mức 2:

a) Trường tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp với hình thức phong phú, phù hợp với nhu cầu và đặc điểm lứa tuổi của học sinh: các chuyên đề sinh hoạt dưới cờ, hoạt động ngoài giờ lên lớp và hướng nghiệp, các ngày hội, chương trình trải nghiệm, hoạt động của Câu lạc bộ đạt kết quả thiết thực, tạo điều kiện phát triển toàn diện năng lực, phẩm chất cho học sinh [H4-1.1-05];[H9-5.4-01]; [H2-1.5-03].

b) Thực hiện tốt công tác định kì rà soát, đánh giá kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp thông qua hội thảo đầu năm học [H9-5.4-01].

**2. Điểm mạnh**

Phối hợp được nhiều lực lượng để tổ chức các hoạt động đa dạng về hình thức và phong phú về nội dung. Số lượng hoạt động mỗi năm tăng lên và có sự thay đổi phù hợp với xu hướng phát triển của xã hội, điều kiện nhà trường và nhu cầu thực tế của học sinh.

**3. Điểm yếu**

Sau mỗi hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, nhà trường chưa kịp thời rà soát, đánh giá kế hoạch, cách tổ chức thực hiện để rút kinh nghiệm ngay.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm học 2020 – 2021, Hiệu trưởng chỉ đạo lấy ý kiến phản hồi từ học sinh, phụ huynh, giáo viên về các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp ngay sau khi hoạt động kết thúc, tổng hợp ý kiến và tổ chức hội thảo đánh giá, rút kinh nghiệm.

**5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 1

**Tiêu chí 5.5: Hình thành, phát triển các kĩ năng sống cho học sinh**

Mức 1:

*a) Có kế hoạch định hướng giáo dục học sinh hình thành, phát triển các kỹ năng sống phù hợp với khả năng học tập của học sinh, điều kiện nhà trường và địa phương;*

*b) Quá trình rèn luyện, tích lũy kỹ năng sống, hiểu biết xã hội, thực hành pháp luật cho học sinh có chuyển biến tích cực thông qua các hoạt động giáo dục;*

*c) Đạo đức, lối sống của học sinh từng bước được hình thành, phát triển phù hợp với pháp luật, phong tục tập quán địa phương và truyền thống văn hóa dân tộc Việt Nam.*

Mức 2

*a) Hướng dẫn học sinh biết tự đánh giá kết quả học tập và rèn luyện;*

*b) Khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn của học sinh từng bước hình thành và phát triển.*

Mức 3

*Bước đầu, học sinh có khả năng nghiên cứu khoa học, công nghệ theo người hướng dẫn, chuyên gia khoa học và người giám sát chỉ dẫn.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1

a) Nhà trường có kế hoạch định hướng giáo dục học sinh. Hình thành, phát triển các kỹ năng sống phù hợp với khả năng học tập của học sinh, điều kiện nhà trường và địa phương. Xây dựng nội dung giáo dục kỹ năng sống lồng ghép trong nội dung giảng dạy, trong các kế hoạch hoạt động khác và của các câu lạc bộ trong trường [H9-5.5-01]; [H1-5.5-02].

b) Trường xây dựng kế hoạch giáo dục kỹ năng sống. Học sinh được rèn luyện, tích lũy kỹ năng sống, hiểu biết xã hội, thực hành thông qua hoạt động của tổ chuyên môn, chia sẻ của báo cáo viên, hoạt động của đoàn, đội và của câu lạc bộ [H2-5.5-02]; [H2-5.5-04]; [H2-5.5-05]; [H2-1.5-03].

c) Đạo đức, lối sống của học sinh từng bước được hình thành, phát triển phù hợp với pháp luật, phong tục tập quán địa phương và truyền thống văn hóa dân tộc Việt Nam [H2-5.5-03].

Mức 2

a) Giáo viên hướng dẫn học sinh biết tự đánh giá kết quả học tập và rèn luyện nhưng chỉ dừng lại ở việc định kì thông báo bảng điểm và các lỗi vi phạm nội quy, kỷ luật, có nhắc nhở để học sinh tự xem xét và xây dựng kế hoạch cải thiện và phát huy kết quả của bản thân mà chưa có phương án theo dõi sự biến động quá trình học tập, rèn luyện của học sinh [H2-1.5-03].

b) Nhà trường chú trọng giáo dục kỹ năng sống dưới nhiều hình thức: chuyên đề sinh hoạt dưới cờ, hoạt động lễ hội, hoạt động của Đoàn, Đội và các Câu lạc bộ, các tiết dạy trên lớp, qua đó khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn của học sinh được từng bước hình thành và phát triển. Bước đầu đưa giá trị sống vào hoạt động giáo dục của trường [H9-5.5-01]; [H2-5.5-02]; [H2-5.5-03]; [H4-1.1-05].

Mức 3

Học sinh có khả năng nghiên cứu khoa học, công nghệ với sự hướng dẫn của giáo viên, tham dự cuộc thi nghiên cứu khoa học các cấp [H6-2.2-05].

**2. Điểm mạnh**

Hoạt động giáo dục kỹ năng sống được tổ chức đa dạng và phong phú, giá trị sống được đưa vào chương trình giáo dục, đáp ứng mục tiêu hình thành và phát triển toàn diện năng lực, phẩm chất cho học sinh. Học sinh đạt nhiều thành tích tốt trong hoạt động nghiên cứu khoa học các cấp.

**3. Điểm yếu**

Chưa có phương án để theo dõi sự biến động quá trình học tập, rèn luyện của học sinh.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm học 2020-2021, Hiệu trưởng chỉ đạo phó hiệu trưởng phụ trách công tác chuyên môn và kỷ luật học sinh xây dựng phương án hướng dẫn học sinh tự đánh giá kết quả học tập và rèn luyện như đưa hoạt động học sinh tự đánh giá kết quả học tập, rèn luyện vào nội dung của một số tiết sinh hoạt lớp; phối hợp với phụ huynh hướng dẫn học sinh phân tích nguyên nhân và xây dựng phương án cải thiện/phát huy kết quả học tập, rèn luyện.

**5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 2

**Tiêu chí 5.6: Kết quả giáo dục**

Mức 1

*a) Kết quả học lực, hạnh kiểm học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường;*

*b) Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường;*

*c) Định hướng phân luồng cho học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường.*

Mức 2

*a) Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá;*

*b) Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá.*

Mức 3

*a) Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh:*

*- Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi của trường thuộc vùng khó khăn: Đạt ít nhất 05% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 20% đối với trường chuyên;*

*- Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi của trường thuộc các vùng còn lại: Đạt ít nhất 10% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 25% đối với trường chuyên;*

*- Tỷ lệ học sinh xếp loại khá của trường thuộc vùng khó khăn: Đạt ít nhất 30% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), 20% đối với trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 55% đối với trường chuyên;*

*- Tỷ lệ học sinh xếp loại khá của trường thuộc các vùng còn lại: Đạt ít nhất 35% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), 25% đối với trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 60% đối với trường chuyên;*

*- Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém của trường thuộc vùng khó khăn: không quá 10% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở) và trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông), trường chuyên không có học sinh yếu, kém;*

*- Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém của trường thuộc các vùng còn lại: không quá 05% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở) và trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông), trường chuyên không có học sinh yếu, kém;*

*- Đối với nhà trường có lớp tiểu học: Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt 95%; tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 90%, đối với trường thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 80%; các trẻ em 11 tuổi còn lại đều đang học các lớp tiểu học;*

*- Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá, tốt đạt ít nhất 90% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 98% đối với trường chuyên.*

*b) Tỷ lệ học sinh bỏ học và lưu ban:*

*- Vùng khó khăn: Không quá 3% học sinh bỏ học, không quá 5% học sinh lưu ban; trường chuyên không có học sinh lưu ban và học sinh bỏ học;*

*- Các vùng còn lại: Không quá 1% học sinh bỏ học, không quá 2% học sinh lưu ban; trường chuyên không có học sinh lưu ban và học sinh bỏ học.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1

a) Kết quả học tập và hạnh kiểm của học sinh trong từng khối lớp, từng học kỳ, từng năm học luôn ổn định ở mức cao và có chiều hướng ngày càng tiến bộ [H6-5.6-03]; [H6-1.5-02].

b) Trong những năm qua, tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường [H6-5.6-03].

c) Dựa vào kết quả hạnh kiểm và học lực của học sinh, trường đã có những định hướng phân luồng cho học sinh. Cụ thể đối với học sinh khối 9, dựa vào kết quả học tập, nhà trường tư vấn cho học sinh thi vào các trường chuyên, trường công lập, trường dạy nghề, trung tâm giáo dục thường xuyên thông qua các buổi trường mời các trường dạy nghề về giới thiệu, các buổi tư vấn của giáo viên chủ nhiệm, bảng hệ thống trường lớp; đối với khối 12, từ tháng 11 đến tháng 3, trường mời các trường đại học và cao đẳng đến tư vấn sau cuối các buổi học [H6-5.6-02].

Mức 2

a) Kết quả học lực của học sinh có chuyển biến tích cực trong 05 năm qua. Số lượng học sinh khá, giỏi luôn chiếm ở mức cao luôn trên 75% và tăng dần qua từng năm học, số lượng học sinh trung bình, yếu, kém chiếm ở mức thấp.

**Bảng thống kê học lực học sinh**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm học**  **Học lực** | **2014 - 2015** | | **2015 - 2016** | | **2016 - 2017** | | **2017 – 2018** | | **2018 – 2019** | |
| SL | % | SL | % | SL | % | SL | % | SL | % |
| Giỏi | 1043 | 36.8 | 959 | 37.3 | 975 | 39.8 | 1060 | 44.5 | 1071 | 45.4 |
| Khá | 1092 | 38.5 | 1078 | 42.0 | 1047 | 42.8 | 966 | 40.6 | 940 | 39.8 |
| Trung bình | 594 | 21.0 | 425 | 16.5 | 340 | 13.9 | 287 | 12.0 | 269 | 11.4 |
| Yếu | 93 | 3.3 | 94 | 3.7 | 79 | 3.2 | 66 | 2.8 | 74 | 3.1 |
| Kém | 12 | 0.4 | 12 | 0.5 | 6 | 0.2 | 3 | 0.1 | 7 | 0.3 |

(Ghi chú: SL: Số lượng *(học sinh)*)

Kết quả hạnh kiểm của học sinh có chuyển biến tích cực trong 05 năm qua. Số học sinh đạt hạnh kiểm tốt, khá luôn trên 90% và ngày càng tăng [H6-5.6-03].

**Bảng thống kê Hạnh kiểm học sinh**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm học**  **Hạnh kiểm** | **2014 - 2015** | | **2015 - 2016** | | **2016 - 2017** | | **2017 – 2018** | | **2018 – 2019** | |
| SL | % | SL | % | SL | % | SL | % | SL | % |
| ***Tốt*** | 2199 | 77.6 | 2029 | 79.0 | 2041 | 83.4 | 2084 | 87.5 | 2049 | 86.8 |
| ***Khá*** | 443 | 15.6 | 353 | 13.7 | 266 | 10.9 | 213 | 8.9 | 197 | 8.3 |
| ***Trung bình*** | 160 | 5.6 | 140 | 5.5 | 116 | 4.7 | 68 | 2.9 | 81 | 3.4 |
| ***Yếu*** | 32 | 1.1 | 46 | 1.8 | 24 | 1.0 | 17 | 0.7 | 34 | 1.4 |

(Ghi chú: SL: Số lượng *(học sinh)*)

b) Tỷ lệ học sinh lên lớp chuyển biến tích cực trong 05 năm qua luôn trên 98%. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp có những chuyển biến tích cực, cấp trung học cơ sở luôn đạt trên 97%; cấp trung học phổ thông 05 năm liền đạt 100% [H6-5.6-03].

**Bảng thống kê tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm học** | **Tỷ lệ học sinh lên lớp (%)** | | | **Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp (%)** | |
| Toàn trường | Cấp THCS | Cấp THPT | Cấp THCS | Cấp THPT |
| **2014 – 2015** | 98.2% | 97.2 % | 99.9 % | 98.7 % | 100 % |
| **2015 – 2016** | 98.3% | 97.2 % | 99.9 % | 100 % | 100 % |
| **2016 – 2017** | 98.4% | 97.2 % | 100 % | 99.5 % | 100 % |
| **2017 – 2018** | 98.8% | 97.9 % | 100 % | 100 % | 100 % |
| **2018 - 2019** | 98.5% | 97.4% | 100% | 97.7% | 100% |

Mức 3

a)Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi của trường đạt trên 36%, trong đó cấp trung học cơ sở là trên 41%, cấp trung học phổ thông đạt trên 28%.

Tỷ lệ học sinh xếp loại khá của trường đạt trên 38%, trong đó cấp trung học cơ sở là trên 29%, cấp trung học phổ thông đạt trên 48%.

Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém của toàn trường (trung bình chung của cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông) dưới 5% [H6-5.6-03].

**Bảng thống kê tỷ lệ (%) xếp loại học sinh giỏi, khá, yếu, kém theo cấp học**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm học** | **2014-2015** | | **2015-2016** | | **2016-2017** | | **2017–2018** | | **2018–2019** | |
| Cấp THCS | Cấp THPT | Cấp THCS | Cấp THPT | Cấp THCS | Cấp THPT | Cấp THCS | Cấp THPT | Cấp THCS | Cấp THPT |
| Giỏi | 41.5 | 28.4 | 42.0 | 30.2 | 41.5 | 37.5 | 42.2 | 47.6 | 44.0 | 47.2 |
| Khá | 29.7 | 54.3 | 31.0 | 58.9 | 33.0 | 56.3 | 34.3 | 48.8 | 32.8 | 49.0 |
| Trung bình | 23.4 | 16.7 | 20.4 | 10.7 | 19.6 | 6.1 | 18.4 | 3.6 | 17.2 | 3.8 |
| Yếu | 4.8 | 0.6 | 5.9 | 0.3 | 5.5 | 0.1 | 4.9 | 0.0 | 5.5 | 0.0 |
| Kém | 0.7 | 0.0 | 0.8 | 0.0 | 0.4 | 0.0 | 0.2 | 0.0 | 0.5 | 0.0 |

Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá, tốt luôn trên 90%.

**Bảng thống kê tỷ lệ hạnh kiểm tốt, khá của học sinh theo cấp học**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm học** | **2014-2015** | | **2015-2016** | | **2016-2017** | | **2017–2018** | | **2018–2019** | |
| Cấp THCS | Cấp THPT | Cấp THCS | Cấp THPT | Cấp THCS | Cấp THPT | Cấp THCS | Cấp THPT | Cấp THCS | Cấp THPT |
| Số lượng | 1658 | 984 | 1400 | 982 | 1300 | 1007 | 1286 | 1011 | 1232 | 1014 |
| Tỷ lệ (%) | 91.1 | 97.0 | 90.1 | 96.8 | 91.8 | 97.7 | 94.7 | 98.7 | 92.1 | 99.0 |

b) Tỷ lệ học sinh bỏ học của trường trong 05 năm qua là không quá 1% ; tỷ lệ học sinh lưu ban không quá 2% [H6-1.5-02].

**Bảng thống kê tỷ lệ học sinh bỏ học và lưu ban**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm học** | **2013 - 2014** | **2014 - 2015** | **2015 - 2016** | **2016 – 2017** | **2017 – 2018** | **2018 - 2019** |
| Tỷ lệ bỏ học | 0.6% | 0.2% | 0.5% | 0.8% | 0.6% | 0.3% |
| Tỷ lệ lưu ban | 1.8% | 1.8% | 1.7% | 1.6% | 1.2% | 1.5% |

**2. Điểm mạnh**

Chất lượng học tập, rèn luyện của học sinh ngày càng được nâng lên. Tỷ lệ học sinh xếp loại học lực khá, giỏi và hạnh kiểm khá, tốt mỗi năm đều tăng.

Nề nếp kỷ luật, trật tự của trường được ổn định tốt. Đa số học sinh có ý thức chấp hành tốt nội quy của trường. Tỷ lệ học sinh đạt hạnh kiểm tốt, khá đạt ở mức cao.

**3. Điểm yếu**

Tỷ lệ học sinh yếu kém ở khối trung học cơ sở còn cao.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm học 2020-2021, sau mỗi đợt kiểm tra định kỳ, Hiệu trưởng giao nhiệm vụ cho giáo viên chủ nhiệm phối hợp với giáo viên bộ môn rà soát, lập danh sách những học sinh yếu, kém dạy phụ đạo; giáo viên chủ nhiệm phối hợp chặt chẽ với phụ huynh để thông báo những biểu hiện của học sinh có sa sút về học lực để kịp thời có biện pháp hỗ trợ phù hợp.

**5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 2

**Kết luận** **về Tiêu chuẩn 5**

**1. Điểm mạnh nổi bật**

- Trường trung học phổ thông đã thực thiện tốt các hoạt động giáo dục theo chương trình và kế hoạch của ngành.

**-** Hoạt động đổi mới phương pháp dạy và học, đổi mới kiểm tra đánh giá được đẩy mạnh. Chú trọng công tác bồi dưỡng học sinh giỏi, học sinh có năng khiếu và biểu dương khen thưởng kịp thời cho các em. Đồng thời công tác phụ đạo học sinh yếu kém cũng được quan tâm đúng mức. Đặc biệt nhà trường luôn quan tâm và tạo điều kiện cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện.

- Phối hợp được nhiều lực lượng để tổ chức các hoạt động giáo dục địa phương, hoạt động trải nghiệm giáo dục kỹ năng sống, hướng nghiệp với nội dung và hình thức phong phú và thu hút được sự ủng hộ của phụ huynh, học sinh và xã hội, đáp ứng được xu hướng phát triển của xã hội, điều kiện nhà trường và nhu cầu thực tế của học sinh.

- Xây dựng được các hoạt động giáo dục giá trị sống cho học sinh, hướng các em đến các giá trị đạo đức: yêu gia đình, yêu Tổ quốc, yêu đồng bào, sống tốt và làm việc hiệu quả.

- Chất lượng giáo dục ngày càng được càng được nâng lên rõ rệt về học tập cũng như rèn luyện.

**2. Điểm yếu cơ bản**

**-** Kế hoạch giảng dạy và học tập hằng tháng tại tổ chuyên môn chưa thể hiện rõ trong sinh hoạt tổ chuyên môn và trong biên bản họp tổ chuyên môn. Điều này, gây khó khăn trong công tác rà soát và đảm bảo đồng đều các hoạt động giữa các tổ chuyên môn và giữa các khối lớp.

-Nhiều cha mẹ học sinh chưa thực sự quan tâm đến việc học tập của các em, quan hệ gia đình của học sinh đa phần phức tạp.

- Còn một số ít học sinh chưa có ý thức trong việc học tập và rèn luyện.

**3. Tự đánh giá tiêu chuẩn 5**

- Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 06/06 (trong đó mức 1 đạt 06/06; mức 2 đạt 04/06; mức 3 đạt 00/04)

- Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00.

**Phần III**

**KẾT LUẬN CHUNG**

- Số lượng tiêu chí đạt Mức 1: 28/28 Tỷ lệ: 100%

- Số lượng tiêu chí không đạt Mức 1: 0/28 Tỷ lệ: 0%

- Số lượng tiêu chí đạt Mức 2: 22/28 Tỷ lệ: 78,6%

- Số lượng tiêu chí không đạt Mức 2: 06/28 Tỷ lệ: 21,4%

- Số lượng tiêu chí đạt Mức 3: 02/20 Tỷ lệ: 10%

- Số lượng tiêu chí không đạt Mức 3: 18/20 Tỷ lệ: 90%

- Mức đánh giá của trường: Mức 1.

- Trường Trung học phổ thông đề nghị đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 1.

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 3 năm 2020*

|  |  |
| --- | --- |
|  | **HIỆU TRƯỞNG**  *(Ký tên, đóng dấu)* |